

*Jun 1942*

HERMÉ LÉON  
SINBACHÉ  
H.F. 1942

梅嶺修書局醫學叢書  
Mai-Linh tu thư cục Y-học tùng-thư

越南藥學

**VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC**

TẬP THỨ BA

10 cây thuốc chữa 100 chứng bệnh

PHÓ ĐỨC-THÀNH

Trong bộ biên-tập hội Y-học Trung-kỳ

*Mai-Linh xuất bản*

*1804 1180*



## **Mai-Linh tu thu' cục**

Chúng ta muốn cho trình-độ trí-thức ngày một  
cao, lẽ cố-nhiên là phải có nhiều những sách  
học-thuật về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để  
mọi người cũng có thể đọc được; vì chữ quốc-ngữ ngày  
nay đã phổ-thông trong dân gian nhiều lắm.

Để đạt mục-đích ấy nên chúng tôi liên-tiếp xuất-  
bản những sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-tác,  
và khảo về các vấn-đề văn-học, triết-học, sử-  
học, khoa-học v. v...

Hiện nay bộ biên-tập của chúng tôi hãy tạm  
ra từng ban như sau này :

- |              |              |
|--------------|--------------|
| a) Văn-học   | d) Y-học     |
| b) Sử-học    | e) Phổ-thông |
| c) Triết-học | f) Giáo-dục  |

Mỗi ban chúng tôi giao cho một học-giả, hoặc  
nhà văn có tiếng trông nom.

Đối với những sách do bộ biên-tập của chúng  
tôi soạn, chúng tôi rất hoan-ngheh những tác-  
phẩm ở ngoài gửi đến.

Mỗi khi chúng tôi xét ra có thể xuất-bản được  
sách nào, tôi sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền  
in-bút.

Hiện nay chúng tôi đã in được đầy đủ những loại sách trên  
đây, công-phu và tổn kém không phải là việc của  
chúng tôi làm nổi, nếu không có quốc-dân ủng-  
hộ. Vậy chúng tôi rất mong ở lòng sốt-sắng của  
bạn bè, sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà cố  
gắng và chiếu-cổ giúp cho.



梅嶺修書局醫藥叢書

Mai-Linh tu thư-cục Y-dược tùng-thư

越 南 藥 學

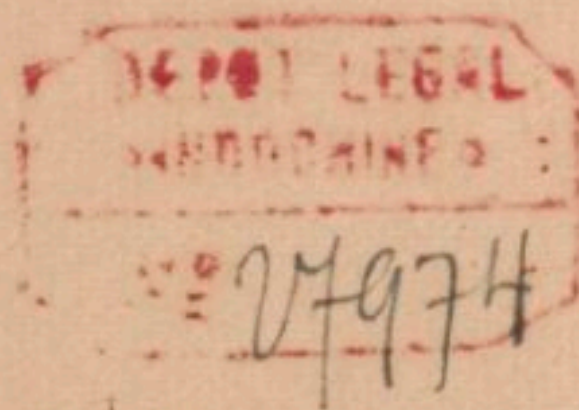
# VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

TẬP THỨ BA

10 cây thuốc chữa 102 chứng bệnh

PHỐ ĐỨC-THÀNH

Trong bộ biên-tập hội Y học Trung-kỳ



*Mai-Linh xuất-bản*

16° Indoch

#80 1804



## **Mai-Linh tu thu' cục**

Nước ta muốn cho trình-độ tri-thức ngày một cao hơn, lẽ cố-nhiên là phải có nhiều những sách về học-thuật về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để ai ai cũng có thể đọc được ; vì chữ quốc-ngữ ngày nay đã phổ-thông trong dân gian nhiều lắm.

Vì mục-dịch ấy nên chúng tôi liên-tiếp xuất-bản những sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-tác, bản và khảo về các vấn-đề văn-học, triết-học, sử-học, y-học, khoa-học v. v...

Hiện nay bộ biên-tập của chúng tôi hãy tạm chia ra từng ban như sau này :

- |                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| <b>a) Văn-học</b>   | <b>d) Y-học</b>     |
| <b>b) Sử-học</b>    | <b>e) Phổ-thông</b> |
| <b>c) Triết-học</b> | <b>f) Giáo-dục</b>  |

Mỗi ban chúng tôi giao cho một học-giả, hoặc một nhà văn có tiếng trông nom.

Ngoài những sách do bộ biên-tập của chúng tôi soạn, chúng tôi rất hoan-nghênh những tác-phẩm ở ngoài gửi đến.

Mỗi khi chúng tôi xét ra có thể xuất-bản được chúng tôi sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền nhuận-bút.

Soạn và in được đầy đủ những loại sách trên rất là công-phu và tốn kém không phải là việc của một người làm nôi, nếu không có quốc-dân ủng-hộ. Vì vậy chúng tôi rất mong ở lòng sốt-sắng của đồng-bào, sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà cố-động và chiếu-cổ giúp cho.



醫藥同業公會  
Mai-Linh tu chuc-ye Y-duc tung-thu

越南藥學

# VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

TẬP THỨ BA

10 cây thuốc chữa 102 chứng bệnh

PHỞ BỨC-THANH

Trong bộ biên tập hội Y học Trung-kỳ

Mai-Linh xuất-bản



Được học ở đây trước năm

1. — Cổ giáo (Hương-phu)
2. — Gia (Mộ-mỹ)
3. — Học-từ (Hỗ-từ)
4. — Kim-ngân (Kim-ngân)
5. — Mã-đó (Mã-đó)
6. — Hồ (Hồ : Hồ-tuy)
7. — Khố-quang (Khố-quang)
8. — Mã-xi (Mã-xi)
9. — Lương-không (Lương-không)
10. — Sơn (Sơn)

VIỆT-NAM ĐƯỢC - HỌC

MAI - LĨNH xuất-bản



Bảng kê 10 cây thuốc Nam

---

1. — Cỏ gấu (Hương-phụ)
2. — Gác (mộc-miệt)
3. — Hột-tiêu (hồ-tiêu)
4. — Kim-ngân (kim-ngân)
5. — Mã-đề (xa-tiên)
6. — Mùi (ngò ; Hồ-tuy)
7. — Mướp-dắng (khổ-qua)
8. — Rau-sam (mã xỉ nhiệm)
9. — Riềng (cao-lương-khương)
10. — Sen (Liên)



# Bản kê các chứng bệnh



## A

1. Âm-môn tự nhiên sung lên.

## B

2. Băng huyết,
3. Bụng dưới đau (Tiểu-phúc-thống)
4. Bụng đau (phúc-thống).
5. Bụng đầy (phúc-trướng).

## C

6. Cá đuối đâm phải.
7. Có thai nôn mửa (ác trở),
8. Cóc cắn.
9. Chó cắn.

## D

10. Da vàng (hoàng-dản).
11. Di-tinh.
12. Dún lở (tê sang).

## Đ

13. Đại-tiện ra máu (Tiện huyết).
  14. Đau đầu voi (hạc-tất-phong).
  15. Đau đóm (đàm-thống),
  16. Đau tức.
  17. Đau đầu (đầu-thống).
  18. Đầu đau chính-giữa, hay một bên.
  19. Đầu mắt xây xăm (đầu mục hôn-huyền).
  20. Đậu mọc không đều (đậu xuất bất khoái).
  21. Đẹn.
  22. Đẻ ngang (hoành-sinh).
  23. Đinh độc.
  24. Độc năm.
- ## G
25. Ghẻ.



26. Gót chân sưng  
đau (cước khí).

### H

27. Ho (Khái - thẩu).

28. Hoác loạn.

29. Hôi-nách (hồ-xú).

30. Hư tổn.

### K

31. Kinh không chỉ.

32. Kinh không đều.

33. Kinh phong.

### Kh

34. Khắc ra máu (lạc-  
huyết).

35. Khó đẻ (sản nan)

### L

36. Lâm.

37. Loài độc cắn.

38. Lở-láy.

39. Lưng đau (yêu  
thống).

40. Ly, cầm-khâu.

41. Ly ra máu (huyết-  
ly).

### M

42. Ma bản (xã công).

43. Máu cam (nục-  
huyết).

44. Máu xâm (huyết-  
vượng).

45. Mặc thuốc độc.

46. Mắt có mây.

47. Mắt có mộng.

48. Mắt đau.

49. Miệng và mũi chảy  
máu.

50. Mộng tinh.

51. Mọt độc.

52. Mọt phát bổi.

### Ng

53. Ngón tay sưng.

54. Ngựa dái (âm  
nang tường).

55. Ngựa cắn.

56. Ngực đau (hung  
thống).

### Ph

57. Phiên vị.



58. Paong thấp.

59. Phòng lao,

### Qu

60. Quai bì.

61. Quyết lạnh.

### R

62. Rắn cắn.

63. Răng đau (nha  
thống).

64. Răng sâu (nha  
trùng).

65. Rít cắn.

### S

66. Sán sơ mít (bạch  
thốn trùng).

67. Sốt - rét (ngược  
tật).

### T

68. Tả.

69. Tai điếc (nhĩ  
lung).

70. Tai lên đặng-  
đặng.

71. Tai lở (nhĩ sang).

72. Tia sữa tắc.

73. Tiểu-tiện bí.

74. Tiểu-tiện buốt.

75. Tiểu-tiện đi luôn.

76. Tiểu-tiện mà tinh  
ra.

77. Tiểu-tiện ra máu.

78. Tim đau (tâm  
thống).

### Th

79. Thạch-lâm.

80. Thai động.

81. Thoát-giang.

82. Thổ huyết.

83. Thũng,

### TR

84. Tràng-nhạc. (loa-  
lĩnh).

85. Trẻ-con bí đại-  
tiện.

86. Trẻ-con bí tiểu-  
tiện.)

87. Trẻ-con có bệnh  
nực. (hen)



88. Trẻ con có đơn  
độc.

89. Trẻ con đầu có  
vảy cứt trâu.

90. Trẻ con đầu lở  
trắng như vôi.

91. Trẻ-con đi ly

92. Trẻ-con mới đẻ  
mắt không mở  
được.

93. Trẻ con nổi mụn  
đỏ.

94. Trẻ-con sài lở.

95. Trẻ-con sởi tóc  
(thuốc-sang)

96. Trĩ

97. Trường - phong  
hạ huyết.

**V**

98. Vít ruồi.

99. Vú có nốt đã  
thành mụn.

**X**

100. Xích-bạch đới.

101. Xích bạch ly.

**Y**

102. Yết-hầu,



## Mấy điều cần biết.

---

1) Các cây thuốc Nam ở đây phải nhận kỹ hình-sắc và công dụng của nó, - Tên các cây, mỗi nơi gọi một khác không thể biết hết, kể hết được, ở đây tóm tắt những tên thông-thường nhiều nơi đã biết. Muốn cho các cây sau này được thông-dụng khắp nơi, xin độc-giả các nơi làm ơn cho chúng tôi biết thêm các tên ở nơi ấy gọi là gì để kỳ-tái-bản thêm vào cho đủ.

2) Muốn dùng các cây thuốc này cho khỏi lầm và đích-đáng, cần phải nhận kỹ các chứng bệnh cho rõ - ràng, bệnh nào thuốc ấy. Độc-giả thấy các cây này ở vùng các ngài còn dùng chữa được thêm chứng bệnh gì rất công-hiệu, mách cho chúng tôi để điền vào sau, cho được thập-phần chu-đáo.

3) Vì thuốc Nam thuốc Bắc không có trường, không có nhà thương, không có phòng phân-chất, phòng thí-nghiệm, các cây thuốc chỉ bằng ở lời nói kinh-nghiệm, nên cũng chưa lấy gì làm nhất-



định ; và lại mỗi người kinh - nghiệm một cây lại bí-truyền, không ai mách ai, nên các vị thuốc lại càng không được mười phần chắc-chắn. Nhưng cây nói ở trong bộ sách này cũng nhờ ở sự kinh - nghiệm mà có giá-trị. Và lại có giá-trị thêm, nếu sau này sách tái-bản mỗi lần, có nhiều sự kinh-nghiệm của độc-giả gửi về mà điều-bổ vào,

4) Trong trên dưới 100 bệnh này cũng có bệnh có nhiều cách chữa, nhưng không ở trong 10 cây này thì không chép đến.

5) Uống thuốc phải từ từ nghe-ngóng xem sao, cấp vội có khi nguy mà bài thuốc hay cũng không biết rằng hay. Nếu có bệnh mà dùng bài thuốc nào ở trong sách này một hai thang không bớt, nên uống thêm một hai thang nữa, thấy bớt dần nên uống tiếp cho đến khi khỏi. Thuốc bôi ngoài, một lần không thấy khỏi, cũng bôi thêm bốn năm lần, kiến hiệu hay không sẽ định-liệu, Thấy người này mách thuốc này, kẻ kia bày thuốc kia, mà vội thay đổi đã không khỏi lại càng thêm nguy, thêm hại.



6) Dùng thuốc đã khỏi có uống thêm, chỉ nên uống một thang nữa mà thôi.

7) Thuốc sao, sau khi được rồi phải đồ ra đất sạch cho hỏa-khí bốc đi.

8) Khi sắc thuốc phải sạch-sẽ, cần-thận, lọc trong.

9) Ở bảng « giải chữ nho » chữ nào đã giải ở các cuốn trước xin miễn giải ở cuốn sau.

10) In hết 12 tập này sẽ có một cuốn « Việt-Nam lương-phương » giải các chứng bệnh và các bài thuốc có giá-trị (các bài thuốc này lựa chọn đích - đáng ở trong bộ Việt-Nam dược-học và có thêm các bài có nhiều vị chưa tiện in ra trước đây). Cuốn sách này lại có một tập Tự-điền giải hết các chữ nho ở bộ Việt-Nam dược-học để tiện cho người mới xem sách thuốc.

11). — Bộ này là bộ sơ khảo ; mỗi tập chỉ mới có 10 cây, mà giấy chỉ được trên dưới 100 trang ; nên những cây có bổ-ích có thể khảo-cứu được kỹ hơn, phải giáng đến vài chục trang giấy, không tiện in vào tập này, sẽ in riêng ra từng tập khác cho được kỹ hơn.





附香

薊 草  
薊 草

*Cyperus rotundus*, Linn



Cỏ-cú — Cỏ-gú — Cỏ-gấu.

**Hương-phụ** 香附

**Cyperus Rotundus-Lin.**

---

**Thổ-sản.** — Thường mọc ở các chỗ đất hoang, ở vườn; loài cỏ rất dễ sống, dễ mọc; ở bãi bèo cũng có nhiều.

**Hình-sắc.** — Thuộc về loài Thảo; mùa Xuân mọc mầm, lá như lá Cỏ-Săng, nhỏ mà ngắn hơn; đến mùa Hạ trở từng bông (hoa) màu nâu-tím; rễ dưới đất chằng-chịt nhau, mỗi đốt sinh ra từng cụm củ; củ ngoài da sắc hơi đen-nâu, có nhiều lông, trong ruột màu nâu hơi trắng, củ tươi thì mềm, lúc khô rắn chắc, to nhỏ tùy theo thổ-nơi.

**Mùa hái.** — Bới củ về tiết tháng Hai và tháng Tám.

**Cách dùng.** — Bới củ về đốt hết lông, rửa sạch, đã cho hết vỏ ngoài, phơi khô, đã nát, tùy chứng mà thay đổi cách dùng; có khi dễ sống, có khi sao, có khi chể; lại



có phép « tứ chế », có phép « thất chế ».

**Tính chất.** — Vị cay thơm hơi ngọt, tính hơi hàn, không độc.

**Công-dụng.** — Điều-khi khai-uất, giải nóng, thông-kinh, tiêu đàm. Chữa những bệnh đàn-bà khi có thai, khi sinh đẻ, tiêu mụt nhọt, sang-thũng, lở-láy v. v.

**Phân lượng.** — Dùng từ 1 đồng rươi đến 3 đồng.

**Cấm kỵ.** — Những người âm hư, huyết nóng, không nên dùng. Dùng nó phải kiêng đồ sắt.

**Tốt-xấu.** — Thứ mọc ở bãi bể, to chắc rắn, thơm là tốt.

**Khảo-chứng.** — Các sách Bản-thảo của Tàu nói :

1) Hương - phụ chữa khí nóng ở trong bụng và khí kiết lại ở Bong-bóng, cùng những bệnh buồn rầu. (Tô-Tụng).

2) — Hương phụ chữa các bệnh thuộc về khí ; bệnh thổ-tả đau bụng, bệnh khí lạnh ở Bong-bóng. (Lý Đông-Viên).



3) Hương-phụ thông-lợi Tam-tiêu, giải sáu chứng uất, tiêu các thức ăn tích-trệ lại. Chữa bệnh tích-tụ ; bệnh đàm-âm ; bệnh trướng-dầy ; bệnh đau ở cổ, ở chân, tay, ở đầu, mặt, ở tai và răng ; mụn - nhọt, sang lở ; cùng những bệnh mửa ra máu ; đi đái ra máu ; bệnh băng, lậu, bạch đái của đàn-bà, và các chứng trước khi có thai, sau khi sinh đẻ. (Lý-thời-Trân).

4) — Hương - phụ vị cay đắng, mùi thơm, tánh-táo, tán khí trệ, hoạt được huyết, nhất là vào Can và Đờm. Dùng sống thì đi lên Hung-cách chạy ra ngoài da. Dùng chế thì đi xuống Can, Thận, thấu đến chân. Sao đen thì cầm được máu, sao với Muối thì nhuận được táo, sao với Thanh-diêm thì bổ Thận, sao với rượu thì đi thấu các kinh-lạc, sao với Dấm-thanh thì tiêu được tích-tụ, sao với nước gừng thì hóa được đàm-âm (Hoàng-cung Tú) ;

5). — Hương-phụ vị rất cay, hương rất nồng, cốt dùng về khí, cho nên chữa được các bệnh khi kết. Nhưng nó có mầu nâu-



tía mà giữa lại có lõi hơi đen, chất lại rắn chắc mà nặng, thì dù là khi được, mà khác với các thứ thuốc nhẹ nhàng đi lên, cho nên mới vào thẳng được huyết phận và thông xuống Can, Thận. Vị Hương-phụ thật là một vị thuốc có đặc-tính ôn-hòa lưu-thông, không tác, không tán; vả lại tinh vân sơ-tiết, mà không phải như những vị tân tán đi lên, vẫn chạy ra ngoài da, mà không phải như các thứ thuốc phong-giải biểu. Ông Chu-dan Khê thường hay tẩm nước tiểu trẻ con, nghĩa là giảm bớt tánh cay nóng và cho đi trở xuống; suy rộng ra, thì thường sao với Thanh-diêm, với Dấm thanh, cũng là một ý-nghĩa như thế cả (Trương sơn-Lôi) ;

**6).** — **Học-thuyết Nhật-bản.** — Sách Hòa-hán dược-khảo nói : Hương - phụ ở Nhật-Bản rất tốt, người ta dùng cối đá đã bỏ vỏ : thứ thành bột gọi là « mặt hương-phụ-tử », thứ vỡ đôi, vỡ ba gọi là « sa-hương-phụ tử ». Lại chia ra làm hai thứ : 1 thứ gọi là Bạch-sa, dùng bằng củ non



là thứ tốt, một thứ gọi là Xich-sa, dùng bằng thứ củ già là thứ vừa ;

7). — Ở **Ấn-độ**. — Người ta dùng để thông tiểu-tiện, trừ sản lại, cho nó có chất kích-thích, chữa rắn cắn, chữa bệnh kiết lỵ, bệnh phong-thấp, lại cầm được máu.

Ở **Phi-luật-tân**. — Người ta cũng cho Hương-phụ có tinh-chất kích-thích, thông tiểu-tiện, thông kinh, nhai củ Hương phụ ngâm để chữa chứng đau răng.

8) **Học-thuyết Âu-tây**. — Ông Vilmorin ở bên Pháp trồng cây Hương-phụ dùng ăn sống, hay sao lên mà ăn.

**Phân-chất**. — Theo hóa-học phân-chất thì thành-phần của nó có một thứ dầu gọi là « Phát-huy-du ».

### **Tứ-chế-Hương-phụ-hoàn**

四 製 香 附 丸

Hương-phụ-tử 1 cân, bỏ lông và vỏ, chia làm 4 phần : 1 phần tẩm nước Gạo, 1 phần tẩm nước tiểu trẻ-con, 1 phần tẩm Rượu, 1 phần tẩm Dấm-thanh, đều tẩm 1 đêm, phơi khô tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt Ngô, mỗi



lần nuốt 30 viên với nước nóng, ngày 3 lần.  
Chữa bệnh khi-uất kinh-bế.

**Thất chế Hương-phụ-hoàn**

七 製 香 附 丸

Hương-phụ-tử 14 lạng, đã bỏ lông và vỏ, chia làm 7 phần: 1 phần đồng với 2 lạng Đương-qui tẩm Rượu; 1 phần đồng với 2 lạng Nga-truật tẩm nước tiểu trẻ con; 1 phần đồng với Mẫu-đơn, Ngải-diệp đều 1 lạng tẩm nước Gạo; 1 phần đồng với 2 lạng Ô-dược, tẩm nước Gạo; 1 phần đồng với Xuyên khung, Huyền hồ đều 1 lạng, tẩm nước lạnh 1 phần đồng với Tam-lăng Sài-hồ đều 1 lạng tẩm Dấm thanh; 1 phần đồng với Hồng-hoa, Ô mai đều 1 lạng, tẩm nước Muối, mùa Xuân tẩm 5 ngày, mùa Hạ 3 ngày, mùa Thu 7 ngày, mùa Đông 10 ngày, đoạn vớt ra phơi khô. chỉ lấy Hương-phụ tán nhỏ, lại lấy nhũn thứ nước đã ngâm trước nấu hồ mà viên bằng hạt Ngô, mỗi khi đi ngủ nuốt 30 viên với rượu. Chữa đàn bà kinh-nguyệt không đều, kết thành khối tích, hoặc phát nóng, hoặc nóng trong xương.



## BÀI THUỐC KINH NGHIỆM CỦA TÀU

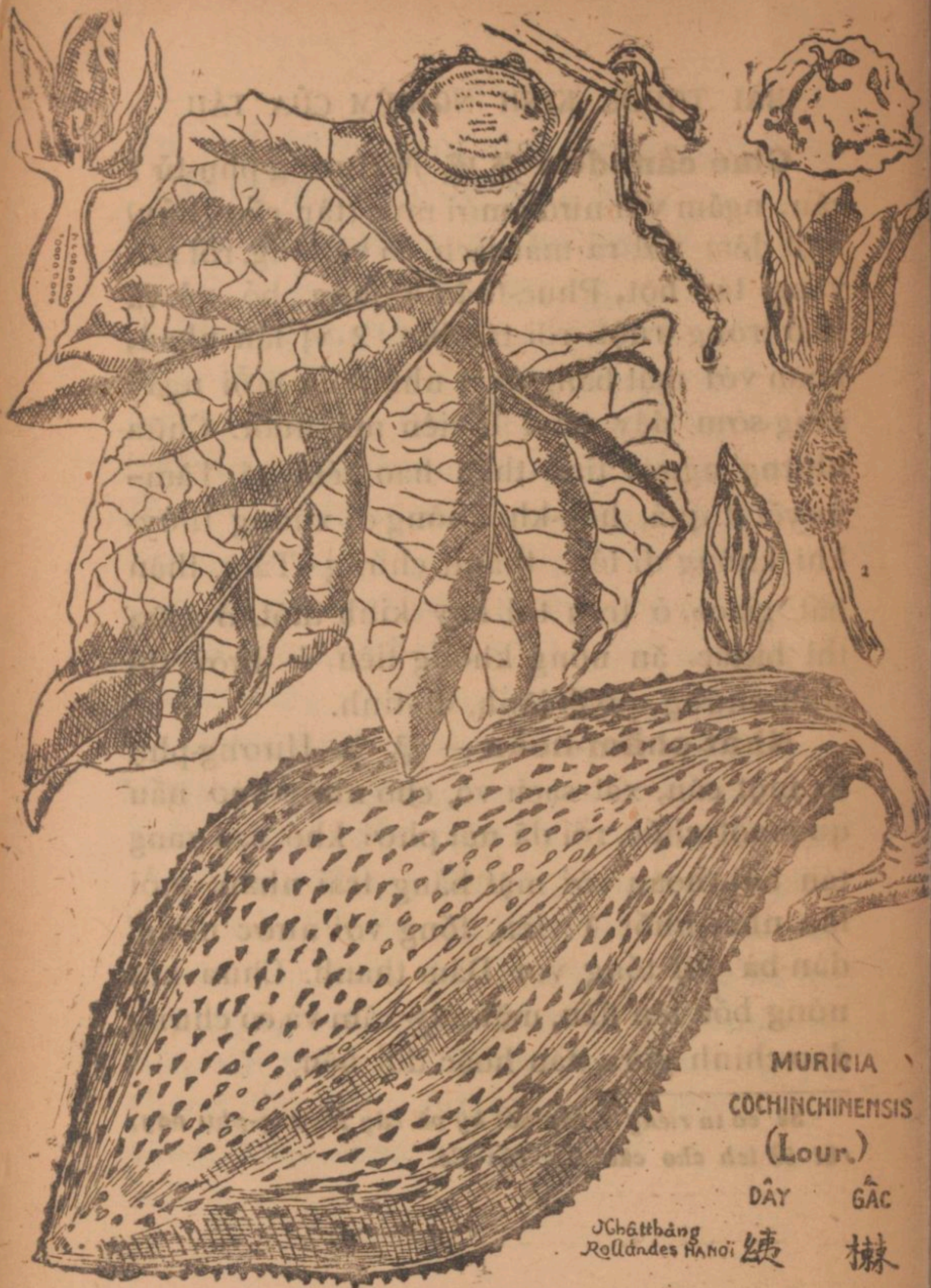
**Giao-cảm-dơn** 交感丹 Hương-phụ-tử 1 cân, ngâm với nước mới múc (tân-cấp-thủy) một đêm, vớt ra mài sạch vỏ và lông, rồi sao vàng tán bột, Phục-thần 4 lượng, bỏ vỏ và rễ ở trong ruột, rồi tán bột, 2 vị lẫn nhau, hoàn với mật bằng trái nhân cứ mỗi ngày sáng-sớm dậy nhai 1 viên mà nuốt. Chữa những người tinh-thần hao kém, vì Tâm-huyết ít quá, hỏa-khi không đi xuống, thủy-khi không đi lên, thành chứng «Tâm, thận bất giao», ở trên thì hay kinh thột, ở giữa thì bí-tắc, ăn uống không tiêu, ở dưới thì sinh chứng quyết-lãnh, di-tinh.

**Nhất-phẩm-hoàn** — 一品丸 Hương-phụ-tử một cân, xát sạch vỏ, cho nước vào nấu qua một chốc, rồi đã nát phơi khô, sao vàng tán bột, hoàn với mật bằng trái nhân, mỗi lần nhai nuốt 1 viên, tổng với nước nóng, đàn-bà thì tổng với Dấm thanh. Chữa khi nóng bốc lên đầu, mặt xây-xâm và có chứng đau chình giữa đầu hoặc đôi bên.

---

*Sẽ có in riêng 1 tập nói kỹ về cây Hương-phụ này, rất bổ ích cho các Bà, các Cô.*





MURICIA  
COCHINCHINENSIS  
(Lour.)

DÂY GÁC

Châtông  
Rollandes HANOI 纒 棘



GẮC.

**Mộc-miết-tử** 木 鼈 子

**Momordica Cochinchinensis. Spreng.**

---

**Thổ-sản.** — Ở miền rừng núi có mọc hoang, thôn quê người ta có trồng nhiều.

**Hình-sắc.** — Thuộc về loài dây leo, mỗi năm một lần khô, nhưng rễ cứ sống mãi, đến mùa Xuân đâm mầm, nảy dây khác, một gốc có nhiều dây, có từng lóng một; mỗi lóng có lá, lá có 5 khía, sắc xanh lục sờ vào nham nhám, tháng Ba tháng Tư có hoa vàng như hoa Bầu; tháng Sáu có quả non, hình bầu-dục, dit nhọn, ngoài da có nhiều gai mềm, trong có nhiều hạt bẹp mà to hình như con Hôn, (Ba-ba) hoặc như con Rùa, máu đen-tro, xung quanh có răng cưa, phần nhiều hạt có đủ 10 răng cưa đầy-đặn; ngoài hạt có vỏ cứng, có vân; trong hạt có nhân, có nhiều chất dầu mùi hôi-hôi; quả lúc non thì xanh, lúc chín thì đỏ rất đẹp, trong quả đặc chất đỏ, người ta



thường dùng để chộn với Gạo nếp làm xôi Gấc rất bở, mùi thơm, vị ngọt. Chất dẻo đó người ta còn làm cả bánh đa gấc, ăn ngon thơm.

**Tốt xấu.** — Cây nào quả lớn, hạt lớn, nhân đặc là tốt.

**Cách dùng.** — Lấy hạt gấc bỏ lẫn vào đất nặn lại, đem nướng cho chín, bỏ vỏ ngoài lấy nhân lại bỏ lõi ở giữa nghiền nhỏ, đoạn bỏ vào giấy xố ép cho hết dầu mới dùng được.

**Tính-chất.** = Khi ôn, vị ngọt, không độc.

**Công dụng.** — Chuyên chữa về Tý, Vị, thông-lợi Đại-trường, tiêu tích-báng, trừ thấp-thũng, cơn sốt rét lâu ngày, trẻ-con cam-tích, đàn-bà đau vú, các chứng trường-phong hạ huyết và đình-độc, mụn bươm, tràng-nhạc hoặc bị chó cắn.

Cái củi « nhục » ngoài, lúc còn xanh non xào nấu cũng ngon như củi quả Đu-đu.

Theo khoa-học và lý-thuyết Á - đông



thứ nào có nhiều chất đỏ hồng như huyết là bổ huyết cả.

Đem quả Gấc so với các loài thì nó có nhiều chất đỏ tươi (sinh tố, vitamine) hơn hết. Đã thế nó lại ngọt thơm, từ xưa đến giờ vẫn dùng. Cái chất đỏ ấy ta nên đem nghiên-cứu kỹ có khi chế ra được một thứ thuốc rất bổ.

Quả Gấc, hạt Gấc còn chữa được bệnh như trên, thì rễ, củ của nó cũng có thể chữa được các bệnh mà có lẽ còn mạnh hơn, ta cũng nên đem khảo-sát thêm.

**Hợp-dụng.** — Hợp với quế-tâm chữa bệnh thấp thũng; hợp với vỏ con Trút (Xuyên-sơn-giáp) chữa sốt rét lâu ngày; hợp với Sứ quân-tử làm thuốc cam-trùng; hợp với trứng gà chữa chứng cam-nhân; hợp với Hành chữa bệnh trường-phong.

**Phân-lượng.** — Dùng từ 8 phân đến 1 đồng rưỡi.

**Cấm kỵ.** — Quả nó không nên nấu ăn với thịt Lợn, hạt làm thuốc trong không



nên dùng sống. Rễ mọc nổi lên mặt đất rất độc, không nên dùng.

**Khảo-chứng.** — Các sách Bản-thảo của Tàu nói : 1). — Nhân hột Gấc mài với Dấm đồ nhọt độc sưng cây tan ngay (Đại-minh Nhất-hoa) ;

2). — Nhân hột Gấc chữa cam-tích bị khối, lợi Đại trường, và chữa những bệnh trĩ, lậu, loa-lich (Tràng - nhạc). (Lý thời Trân);

3). — Nhân hột Gấc vị hậu hơn khí, là một vị thuốc tán huyết nóng, tiêu - nhọt độc rất hay (Hy-Ung).

4). — Lá Gấc non luộc làm rau ăn được. (Tô-Tụng) ;

5). — Sách Phi-tuyệt-lục của Lưu-tích có chép rằng : « Mộc-miết-tử có độc, xưa có người sinh 2 đứa con vì cho ăn uống không có điều độ, trong bụng thành bịnh khối-tích, người cha dùng Mộc-miết-tử nấu với thịt Lợn cho ăn, ngay đêm ấy đứa bé chết, đến ngày mai đứa lớn cũng chết luôn (Uông - Cơ) ;

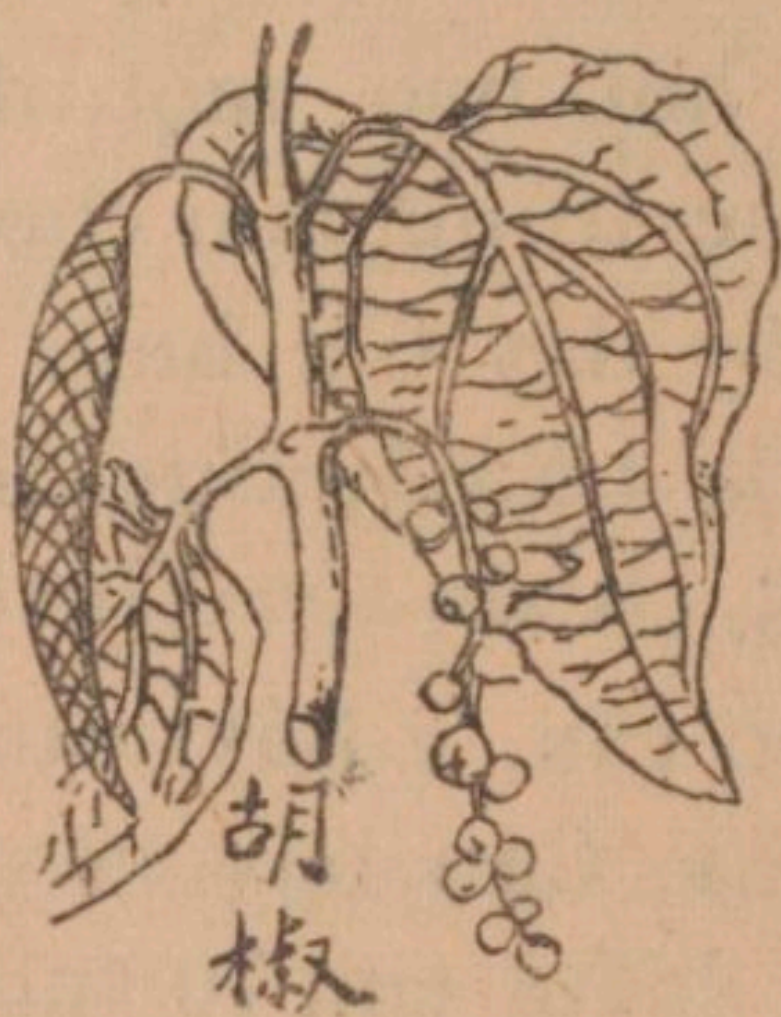


6. — Người Lĩnh - nam ( Việt - Nam ta ) thường lấy lá non và trái non nấu ăn, mà không can gi, thì Mộc-miết vị-tất đã độc đến thế, hoặc giả không hợp với thịt Lợn, hoặc ngộ độc của vị khác hay sao, không thể đổ lỗi cho vị Mộc-miết. ( Lý-thời-Trân ) ;

7. — Thứ hột nào một đầu nhọn, là giống đực, lúc trồng phải chọn cả dây đực và dây cái, lấy dây Gai buộc lại, sau khi đã mọc lên thì bỏ dây đực đi, rồi mới có kết-quả đực ( Khấu-tôn-Thích ).

Tục-ngữ có câu : « Bảy mươi tuổi được miếng xôi gấc ». Câu này có ý - nghĩa là : những người hiếm con 70 tuổi mới có con trai, khi đầy tháng, dùng nước quả Gấc chín làm xôi đỏ, cúng bà mụ, rồi đi kinh bà con, cho nên bất-kỳ nhà ai cúng Mụ cũng cứ theo thói quen dùng Gấc nấu xôi.





Hò-tiêu

Piper Nigrum-Lin



HỘT-TIÊU

*Hồ - tiêu* 胡椒

*Piper Nigrum* — Lin.

---

**Thổ-sản.** — Thường trồng ở vườn, ở đất núi, ở đồi, Bắc-kỳ, Nam-kỳ, và Cao-mên, đều trồng nhiều, nhưng không đâu tốt bằng hạt Tiêu xuất-sản ở tỉnh Quảng-trị. (Trung-kỳ).

**Hình-sắc.** — Thân cây thuộc loài dây leo ; như dây Trầu - không, hơi vuông, có từng đốt một, ngoài da sam-sám, mỗi đốt có một lá mọc và chung quanh có rễ, dây nó cứng; lá giống lá Trầu-không, nhưng cuống nó dài hơn và tròn, vỏ ra cũng có mùi thơm-cay. Tháng Giêng có hoa từng chùm một, sắc trắng hơi vàng ; tháng Tư, tháng Năm có hạt chín, khi chín sắc hồng, khi khô sắc đen và rắn lại, gọi là Hắc-hồ-tiêu (hạt-Tiêu đen); hạt để thật già, tróc hết vỏ ngoài, còn hạt trong gọi là Tiêu-sọ (Bạch-Hồ-tiêu),



**Mùa hái.** — Hái về tiết tháng Năm, tháng Sáu, rồi phơi khô.

**Cách dùng.** — Người ta hay dã nhỏ, hoặc xay bằng cối cho thành bột mà dùng.

**Tính-chất.** — Vị cay nồng, khi nóng, tính táo liệt, không độc.

**Công-dụng.** — Hạ-khí, tiêu-dàm, ấm Dạ-dầy, trừ mùi hôi tanh và các chất độc của loài Cua, Cá, Rau, Nấm. Chữa bệnh thổ-tả; ách-ghịch; phong-lãnh.

**Phân-lượng.** — Dùng từ 5 phân đến 1 đồng.

**Cấm kỵ.** = Bệnh âm-nữ hỏa-động không nên dùng.

**Hợp dụng.** — Hợp với Đậu-xanh hột Chè, chữa chứng hoắc-loạn thổ-tả; hợp với Sinh-kương, Bán hạ chữa vị hàn ẩu-thổ; hợp với Sinh-kương ô-dược chữa đau bụng hàn; hợp với Cơm-khô chữa bệnh hàn tả.

**Khảo-chứng.** — Các sách Bản-thảo của Tàu: 1. — Hồ-tiêu chữa dạ-dầy hư-lạnh, ăn uống không tiêu, sinh các chứng hoắc-loạn đau bụng và hơi lạnh xông lên.



Nhưng ăn nhiều tổn hại đến Phế, làm cho người ta thổ huyết. (Lý-Tuân-Hải) ;

2. — Hồ-tiêu điều-hòa năm tạng, nhất là làm cho khi nóng ở trong Thận, mạnh lên, người ta thường dùng chữa lý, thuộc về hàn-lãnh. Và vị hàn mưa ra nước, đại-trường lạnh mà đại-tiện cứ đi lỏng luôn luôn. (Khấu-tôn-Thích);

3. — Nó tinh tuy không độc, nhưng cay nóng quá chừng, uống nhiều tất có hại. (Hy-Ung);

4. — Tinh nó nhiệt hơn Thục-tiêu, nếu bệnh vì hỏa kém mà hàn phạm vào thì uống rất hay ; nhưng nó chỉ có công tán-hàn mà thôi, chứ không phải như Quế, Phụ là những vị thuốc bổ hỏa ; vả lại nó tán-khi động-hỏa, người hèn yếu rất đáng kiêng. (Hoàng Cung-Tử) ;

5. — Tinh nó cay-nóng, ấm Trường vị, trừ hàn-thấp, chữa bệnh phiên-vị ; bệnh trướng ; bệnh tích. Nhưng người bị bệnh nhiệt mà ăn vào thì động-hỏa thương-khí,



nhất là làm cho mờ mắt ; phạm những bệnh ở cổ họng, ở răng, ở miệng đều nên kiêng (Lý-thời-Trân).

**Học-thuyết Nhật-bản.** — Hồ - tiêu sản ở Ấn-độ, phần nhiều người ta thường dùng làm thuốc : kiện-Vị, khu - phong uống vào Dạ-dầy kích-thích dây thần-kinh, làm cho sức chuyển vận và sức tiêu-hóa thêm mạnh lên, vừa phấn-khởi tinh-thần lại vừa trừ được bệnh sốt rét (cơn) công-dụng cũng như Kim-kê-nạp-sương. (Ký-Ninh).

**Học-thuyết Âu-Mỹ** nói : Hồ-tiêu là một vị thuốc hành-khi có tính nóng, công-dụng nó hay khu-phong, kiện-vị, chữa bệnh trĩ, bệnh bạch-đới ; nhất là bệnh cơn. Nó có chất dầu chữa bệnh gọi là « Fipérine ».

Ông A Hérand nói : Hạt-tiêu uống độ 10 đến 15 grammes thì Dạ-dầy thấy ấm, tiêu cơn, uống nhiều sinh khát nước. Chữa được bệnh lậu, bệnh đi đái nhiều.

Bên ta dùng hạt tiêu cũng chữa được



nhiều bệnh, như bệnh tả; bệnh cơn; bệnh liệt-dương và bệnh đau bụng.

Ở Cao-mên người ta cũng cho Hột-tiêu có chất chữa được bệnh lý, bệnh cơn, kích thích Dạ-dày.

### **Bài thuốc kinh-nghiệm của Tàu.**

Hồ - tiêu 49 hạt, Nhũ - hương 1 đồng, nghiền cho đều, đàn ông dùng nước gừng, đàn-bà dùng rượu Đương-qui mà uống. Chữa bệnh dưới quả tim đau rất kịch-liệt.

Hồ-tiêu 7 đồng rưỡi, gừng nướng một lạng, sắc uống làm 2 lần. Chữa bệnh phiên-vị hê ăn vào hồi lâu thì mửa ra.





Kim-ngân-hoa.  
*Lonicera Japonica* Thunb.



**Kim - ngân - hoa** (Dây mối).

**Kim-ngân-hoa** 金銀花 **Nhận-dông** 忍冬

*Lonicera japonica. Thunb*

**Thổ-sản.**— Tại miền rừng-núi có nhiều, ở thôn-quê cũng thường trồng ở bờ rào bờ vườn.

**Hình-sắc.**— Thuộc về loài dây leo, dây và cuống lá sắc đỏ nâu, hai bên có lá mọc đối nhau, lá tựa như lá cây thiên-ly, bề mặt sắc xanh, bề dưới xanh lợt, có thứ lá có lông, có thứ lá trơn, không có lông. Đến tháng Ba, tháng Tư có hoa, hoa mọc từng chùm ở kẽ lá, một cuống có hai hoa, trong hoa có nhị



dài, sắc trắng mờ Gà, đầu chót hoa tách ra 5 khía như cái môi, ở trong có chất mật, mùi rất thơm ngọt, hoa nó độ 2, 3 ngày trước trắng sau đổi ra sắc vàng đẹp, nên gọi là kim-ngân-hoa. Phơi khô trong im ít lâu lại thành sắc vàng đậm.

Lại có thứ dây và lá cũng như nhau ; lá nó 4 mùa không thay đổi, tục gọi là Kim-luôn, người Mường thường lấy dây và lá nó chữa các chứng sang độc.

**Mùa-hái.**— Tiết tháng Tư hái hoa, về phơi trong im cho khô. Lúc hoa chưa nở hẳn.

**Cách dùng.**— Dùng bằng dây và cành lá phải chế rượu, sao vàng. Dùng toàn hoa không phải sao.

**Tốt xấu.**— Thứ nào hoa to, sắc vàng trắng có mùi thơm ngọt là tốt.

**Tính-chất.**— Vị ngọt, tính mát, không độc.

**Công-dụng.**— Chuyên chữa các bệnh phong-thấp ; bệnh đơn sang ; lở chốc ; bệnh



lậu ; bệnh dương - mai ; bệnh ung - thũng ; bệnh ly ; bệnh sốt-rét ; các khí độc phạm vào mình chạy khắp trong tầng da, lan vào trong xương-tủy.

**Hợp dụng.**— Hợp với Cam thảo chữa các chứng nhiệt-độc ; hợp với Thổ-phục-linh chữa các bệnh lâm-lậu ; hợp với Ty-giải, Ngũ-gia-bi (cây Chân chim) chữa các chứng ung-thũng ; hợp với rau Sam, chữa các chứng huyết-ly ; hợp với Mã-đề-hoa chữa các chứng nhiệt-lâm.

**Phân-lượng.**— Dùng từ 2 đồng đến 4 đồng.

**Cấm - kỵ.**— Người tạng hàn đại-tiện hoạt thì không nên uống ; dùng phải kiêng sắt.

**Khảo-chứng.**— Các sách Bản-thảo của Tàu nói : 1.— Ngân-hoa sắc lấy nước cốt mà uống, chữa bệnh đi ly ra máu, mà thuộc về nhiệt-độc. (Trần-Tàng-Khí) ;



2.— Ngân-hoa có công-dụng tiêu độc, chữa các bệnh thuộc về phong-thấp và bệnh sung-thũng (Lý-Thời-Trân) ;

3.— Người ta chỉ biết Ngân-hoa có công-dụng tiêu độc, nhưng vị nó lại có cách bổ hư chữa phong, cho nên phạm chứng trướng đầy, chứng hạ-ly, dùng nó thường-thường có hiệu-quả (Lý Sĩ-Tài) ;

4.— Ngân-hoa qua mùa Đông không héo, cho nên sách gọi là Nhận-đông. Nó vẫn có công bổ-âm nuôi huyết, nhưng lại hay vào Phế tán được khi nóng, cho nên chữa các chứng mụn lở v. v. thực là một vị thuốc thường dùng trong môn ngoại-khoa. (Hoàng-Cung-Tú) ;

5.— Ngân-hoa chữa các chứng sang như : dương-mai, trĩ, lậu v. v. hoặc đồ ngoài, hoặc uống trong, đều có công-hiệu. (Hoàng-Nguyên-Ngũ).

**Học-thuyết Âu-Mỹ.**— Chữa về bệnh ngoài da như ghẻ-lở, phù-thũng, làm cho



êm dịu, mát mẻ, hoa có chất tiêu - nhuận.  
Chữa lậu, và dương-mai.

Ông Régnault nói: nó có chất trừ nọc  
rắn, chữa các chất độc.





車前子

Xa tiên - tử  
Cây mã - đề



*Mã-đề* 馬蹄 *Sa-tiên* 車前

*Plantago major* Lin var

**Thổ sản.**— Các miền rừng núi và thôn quê thường thấy mọc nhiều; ở các chỗ đất hoang. Ngoài Bắc-kỳ về tỉnh Bắc-ninh, Bắc-giang và Hung-yên, người ta có trồng để lấy hạt đem bán cho các hiệu thuốc sống.

**Hình-sắc.**— Thuộc về loài Thảo; không có thân, chỉ có một gốc rồi đâm lá xung-quanh trên mặt đất. Lá có cuống dài hình bầu dục, có 3 hay 5 cái gân tụ lại hình khum như cái muồm, cạnh trơn, sắc xanh-lợt; mùa Hạ, ở giữa rồi lên một cái cuống, có nhiều hoa xung quanh, hoa có 4 cái đài,



mỏng hoa hình như cái loa, trên chót tách ra 5 khía, hoa nhỏ sắc tia-lọt. Trái nó chia làm 2 ngăn, mỗi ngăn có vài hạt-giống sắc đen, láng, hình bầu-dục, sau lưng khum lên, dưới bẹp mà bằng.

**Mùa hái.**— Hái hạt về tiết tháng Năm tháng Sáu.

**Cách dùng.**— Dùng bằng lá rửa sạch thái nhỏ; dùng bằng hạt tẩm rượu, chưng cho chiu, phơi khô; nếu dùng để làm hoàn tán thì chế rồi tán nhỏ đóng thành bánh sấy khô, sau nghiền.

**Tốt xấu.**— Dùng hạt, thứ nào chắc, bỏ xuống nước chim là tốt.

**Tính-chất.**— Khi hàn, vị ngọt, không độc. Lá non thường nấu canh ăn.

**Công - dụng.**— Chuyên chữa về các chứng thấp nhiệt, trừ khi nóng ở trong Phổi trong Gan, thông lợi đường Bong-bóng; chữa được các chứng lâm, chứng đau mắt, đau đầu và các chứng nhiệt-lậu, nhiệt-ly, thấp-tả; trừ được hơi nóng ở



trong tiểu-trường làm cho huyết-dịch lưu-thông, đàn bà sinh-sản được mau-chóng.

**Hợp dụng.**— Hợp với Ty-giải, Thổ-phục-linh, chữa các chứng nhiệt-lậu. Hợp với Nhân-sâm, Đương quy nhuận Bào-thai làm cho dễ sinh đẻ.

**Phân-lượng.**— Dùng từ 1 đồng đến 3 đồng.

**Cấm-kỵ.**— Bệnh Thận hư, không có thấp-nhiệt không nên dùng.

**Khảo-chứng.**— Các sách Bản thảo của Tàu nói : 1.— Xa tiên - tử chữa phong-nhiệt ở trong Gan, độc-phong xông lên đau mắt đỏ có mây-màng, và đau trong óc, nước mắt chảy ra ; lại hay giải độc của loài đan-thạch và trừ phiền-nóng ở quả tim. (Nhân-quyển) ;

2.— Xa tiên đem khí nóng ở Tiểu-trường đi xuống, chữa bệnh tả bệnh lý thuộc về tử thấp. (Lý thời-Trân) ;

3.— Xa tiên tử chạy vào đường nước và thông Thận khi ; âm-khi của người ta có 2 khiếu : 1 khiếu thông với đường tinh, 1 khiếu thông với đường nước, nếu



khiếu nước mở ra thì thấp nhiệt tiết hết, mà khiếu tinh đóng lại, không bao giờ có bệnh tiết lậu, cho nên Xa tiên tử là một vị cốt-yếu của 3 kinh : Can, Thận và Bàng-quang. (Hy-Ung) ;

4.— Xa-tiên-tử vị ngọt hơi mặn, tính hàn, các sách cho là chữa thấp-nhiệt ở Bàng-quang, nhưng căn nguyên cốt ở Can và Phế, vì Phế bị nhiệt thì hỏa-nguyên kiệt đi, Can bị phong thì sơ-tiết không được như thường, cho nên dùng vị này thanh Can và Phế, tức là thanh thủy đạo ở Bàng-quang, niệu-khiếu mở ra thì tinh-khiếu đóng lại, cho nên sách nói : « uống vào làm cho người ta có con ». Lại nói : « Xa-tiên thấm lợi mà không tẩu mất khí, công đồng với Phục linh » là nghĩa thế. Nhưng người khi hư hạ - hãm và Thận khi hư-thoát thì không nên uống. (Hoàng Cung-Tú) ;

5.— Xa-tiên-tử chữa con mắt, nhưng dùng nó phải kèm với thuốc khác, như bài lục-vị-địa-hoàng-hoàn mà dùng Trạch-tả, nếu dùng một mình nó thì tẩu-tiết quá



chùng; xưa ông Âu-dương-Tu bị bệnh tả uống thuốc gì cũng không chữa, một hôm bà ta mua một gói thuốc ở chợ về uống thì chữa ngay, hỏi ra thì là độc vị Xa-tiên tán nhỏ, uống với nước Gạo, bởi vì thuốc này lợi thủy mà không động khí, thủy-đạo đã lợi thì thanh trọc phân-biệt, mà bệnh tự-nhiên khỏi. (Lý-thời-Trần);

6.— Công-dụng Xa-tiên cũng giống Trạch tả, nhưng Trạch-tả sinh ở trong nước, chỉ tiết thủy-tả ở trong Thận, Xa-tiên mọc ở trên cạn, lại chữa tích-nhiệt ở trong Tỳ nữa; vả lại Xa-tiên dùng hạt, không phải như Trạch-tả dùng củ, lại kiêm nhuận cả Thận và Tâm, vị lại ngọt thì có chất bổ, cho nên Cổ-nhân cho là: « mạnh khi âm, ích tinh-khi. » Nhưng nói cho đúng thì nó sở trường về lối lợi thủy giải nhiệt mà thôi, cho nên chữa những bệnh như: bệnh lâm, bệnh tả, bệnh thấp-tý v. v.; còn như nói: « bổ Thận làm cho người có con » thì chưa lấy gì làm đích-xác. (Ung-Song Tri).



**Học-thuyết Nhật-bản.**— Nhật-bản Y phủ-thị Dược-vật-học nói: Xa-tiên-tử thuộc về loài hột, có tinh chất niêm-trết.

Hòa-hán dược-khảo nói: «Xa-tiên chữa bệnh cam nhân của trẻ-con rất hay. Lá nó lại có công-dụng cầm máu, một người bị đứt tay chảy máu, tinh-cờ thấy bên đường có cây Xa-tiên, ngắt vài lá vừa đi vừa chùi máu, chốc-lát chỉ ngay và cũng đỡ đau.

**Hà-lan-dược-kính** nói: Xa-tiên dùng cả rễ, lá và hột đều có công thu sáp, thanh-lương, và rửa sạch ô-uế, nhất là rễ nó lại có công hiệu làm cho huyết-dịch đông đặc lại, cho nên những bệnh như: huyết ly, thổ-huyết, đản-bà kinh-huyết quá nhiều, cùng bệnh bạch-dời v. v. dùng rễ và lá sắc lấy nước mà uống; những bệnh ho ra huyết, mụn Phổi v. v. dùng rễ tươi cho nước vào đã lấy nước đặc gia ít đường mía mà uống rất hay. Miệng lở, cổ họng sưng cây, dùng rễ và lá sắc làm nước súc; mắt đau sưng cây cùng làm thuốc rửa được, hoặc đánh-đập



bị thương, chầy da sưng thọt, cũng chứng phỏng lửa, đều đã nhuyển lá nó đặt vào.

**Học-thuyết Âu-Mỹ.**— Ông Lourcero nói—Hột Xa-tiên có tinh thanh-lương, thông tiểu-tiện, chữa chứng đau mắt ;

Ông R. P, Robert nói.— Hột Xa tiên lợi tiểu-tiện, giúp đàn-bà sinh-sản mau-chóng, làm cho huyết-dịch lưu-thông, thân-thể khoan-khoái, chữa đau mắt. Hột tán nhỏ ra bột, không nên dùng lẫn hột với lá ;

Ông Dumantiers nói—Chữa bi đái và đau mắt ;

Ông Dispensary nói—Thông tiểu-tiện, hạ hỏa, lọc máu, chữa bệnh kiết-ly và bệnh lậu.

### **Bài thuốc kinh-nghiệm của Tàu**

Ngũ-tử-diễn-tôn-hoàn . 五子衍宗丸  
Thêm tinh-tủy, nhất là bổ ich quả Thận.

Câu-khởi tử, Thổ-ty-tử (tầm rượu đã thành bánh) đều 8 lạng, Ngũ-vị-tử 1 lạng, Phú-hồn-tử 4 lạng (rửa rượu) Xa-tiên-tử (sao) 2 lạng. Các vị phơi khô, nghiền nhỏ, luyện mật mà viên bằng hột ngô, mỗi lần uống 50 viên khi đói bụng, tống với nước muối.





Coriandrum Sativum : Lin  
Rau-mùi (ngó)



## *Rau - mùi* (ngó)

**Hồ-tụy** 胡荽 *Coriandrum Sativum* : Lin.



**Thổ-sản.**— Ở các miền thôn-quê nơi nào cũng có trồng để làm rau ăn.

**Hình-sắc.**— Thuộc về loài Rau, cao độ 4 tấc Tây, thân cây và cành nhỏ và mềm có từng lông mịn, hình như cây Thi-là, trong ruột rỗng; lá có cuống dài, mọc không có thứ-lớp, có thứ lá nhỏ như lá Thi là, có thứ lá lớn tròn có nhiều tia sắc lục. Về tháng Ba, tháng Tư có hoa, từng chùm mịn, như hoa rau Cần, sắc vàng hơi tím; sau kết thành quả nhỏ ty-tý mà tròn, có khía, sắc vàng-nâu, ở trong chia ra 2 phòng.



**Mùa hái.**— Khi đang non thì hái cây và lá. Đến tháng Năm tháng Sáu cây đã già thì hái hột.

**Cách dùng.**— Dùng cành và lá phải rửa sạch, phơi khô. — Dùng hột phải sao qua nghiền nhỏ.

**Tốt xấu.**— Thứ nào lá nhỏ vị thơm là tốt, cây nào lá lớn mùi hăng là xấu.

**Tính-chất.**— Rễ và cành, lá, tính-chất ôn-hòa không độc, khi ấm, vị thơm-cay. Hột nó tính chất hòa bình, khí ấm, vị cay, hơi chua, không độc.

**Công-dụng.**— Lá và rễ, chuyên chữa về Tâm, Tỳ, thông suốt Đại-tiểu-trường, chữa bệnh nhức-dầu, bệnh trường-phong; giúp sức tiêu-hóa cho Dạ dày, chữa bệnh chần-đậu không mọc được, bệnh ma quỷ, và trừ chất độc của các loài cá thối.

Hột-mùi: Chữa được thuốc độc; bệnh trĩ; bệnh tả lỵ ra huyết; trúng độc mà thổ-huyết; chữa trẻ con đầu lở sỏi tóc, chữa bệnh lậu thoát-giang.



**Hợp-dụng.**— Lá và Rễ, hợp với rễ cây Quý thông-lợi tiểu-tiện ; hợp với Xuyên-tiêu (Hoàng-lực, cây Trứng) chữa các loài độc cắn.

Hột : Hợp với Bồ công anh chữa bệnh trường-phong hạ - huyết ; hợp với Đường-mia chữa huyết - lý ; hợp với Gừng-tươi chữa bạch - lý ; hợp với Nhũ hương chữa bệnh lậu thoát-giang.

**Phân-lượng.**— Dùng từ 5 phân đến 1 đồng rưỡi.

**Cấm-kỵ.**— Không nên uống nhiều quá làm cho người ta có tỉnh hay quên. Người bị chứng hôi-nách, hôi-miệng, đau răng, sưng chân không nên ăn. Khi uống thuốc bổ và trong thang thuốc có Bạch-truật, Mẫu-đơn cũng không nên ăn.

**Khảo-chứng.**— Các sách Bản-thảo của Tàu nói : 1.— « Hồ-tuy tiêu hơi cơm, làm cho người ta ăn uống biết ngon, chữa được bệnh trường phong (Mạnh-Sấn) ;

2.— Hồ-tuy chữa bệnh mắc thuốc độc. (Ngô-Thụy) ;



3.— Hồ-tuy giải mùi tanh cá và làm cho đậu chần phát ra (Hy Ung) ;

4.— Hồ-tuy cay ấm mùi thơm, tán phong-hàn, trừ uế ác, cho nên chữa được bệnh đau đầu, bệnh thực-tích, và đậu-sang không ra, phun rượu Hồ-tuy vào thì ra ngay, mắt có mây-màng, thổi Hồ-tuy vào mũi thì tan được ; nhưng ăn nhiều tổn-hại tinh-thần, hay phát bệnh hôi-nách, không phải như các vị thuốc khác có thể uống được lâu. (Hoàng Cung-Tú).

**Học-thuyết Nhật-bản.**— Hồ-tuy-tử du tức là một thứ dầu (phát-huy du) ở trong hột Ngò chế ra, nó có mùi thơm đặc-biệt.

Hóa-học phân chất thì trong 100 phần có chất Phát-huy du 1 phần, chất Mỡ 13 phần, còn bao nhiêu là chất Đan-bạch (lòng trắng trứng gà) và Đơn-ninh-toan (chất chua).

**Học-thuyết Âu-Mỹ.**— Hột mùi ở Á-đông còn xanh thì có mùi bọ-xít khó chịu, nhưng đến khi khô rồi, lại có mùi thơm



dễ chịu, dùng làm đồ gia-vị, có tinh kích-thích, lợi trung-tiêu. Dùng lá và rễ tán bột ngâm vào rượu, để xúc vào các mụn-sởi của trẻ con ;

Ông Pardo de Tavera nói : Hột mùi giúp sức tiêu-hóa cho Dạ dày. Có một chất dầu thơm, kích-thích Tỳ-Vị, mùi lại thơm dịu ;

Ông A Héraud nói : Nó có thể chữa bệnh ưu-uất của đàn-bà thuộc về Thần-kinh-hệ ;





苦瓜  
Khô' quá



**Mướp - đắng - Mướp - nu**

**Khổ qua, 苦瓜**

*Momordica Charantia, Lin.*

---

**Thổ sản.**— Ở các thôn quê hay trồng, xứ nào cũng có, ở ngàn núi cũng có thứ mọc hoang.

Khi cây có quả, phải lấy giấy bọc lại, để cho các loài sâu, kiến khỏi làm hư hại, quả không to lớn được.

**Hình-sắc.**— Thuộc về loài dây; thường hay leo trèo lên các giàn hay hàng rào. Hình như dây mướp Hương, nhưng nhỏ hơn. Lá cũng như lá mướp Hương, có nhiều khía ăn sâu vào, sắc lục, ở chỗ cuống lá có râu dài quấn lại, về mùa



Xuân có hoa từng chùm, hoa cũng như hoa mướp-Hương, sắc vàng, có cả hoa đực hoa cái. Sau kết thành quả tròn mà dài, ngoài da sùc sủ như mụn cóc, lúc chín sắc đỏ, cũng có thứ sắc trắng mà quả lớn ; trong ruột có hạt, hạt có 1 tầng nhục bọc ngoài, sắc hồng-hồng, mềm-mại, có vị ngọt, trong hạt có 1 cái nhân hình trạng kỳ quặc.

**Tốt xấu.**— Dùng thứ quả trắng là tốt, thứ quả đỏ không tốt bằng.

**Cách dùng.**— Chữa bệnh phong-sang lấy lá thái nhỏ ; chữa bệnh tê-bại lấy dây thái nhỏ, tẩm rượu sao vàng. Hoặc ăn quả, hoặc ăn hạt.

**Tính chất.**— Quả nó vị đắng, tinh hàn, hạt nó vị ngọt, tinh êm đều không độc.

**Công-dụng.**— Chuyên chữa về Tâm ; Can, trừ các nhiệt-độc, chữa chứng yết-hầu ; chứng đau mắt ; Dạ-dầy nóng sinh diên cuồng ; phong-nhiệt sinh ra mụn-độc, chân tay tê-bại ; xương gân co-quắp ; tiểu-tiện không thông ; đau lưng, mỏi gối ;



chứng lâm, lậu; chứng thủy-thũng. Hột nó chuyên chữa về quả - Cật, bổ dương tráng khí, làm cho thân-thể mạnh mẽ.

**Hợp-dụng.**— Hợp với rau Sam, chữa bệnh nhiệt-cuồng; hợp với Kim-ngân-hoa, chữa sang-độc; hợp với lá Tre, chữa yết-hầu; hợp với lá Cúc chữa bệnh đau mắt; hợp với Mã đề, cỏ xước chữa bệnh lâm, lậu; hợp với quả Đu-dủ, âm-gửi cây Dâu, chữa bệnh xương gân co quắp.

**Phân-lượng.**— Dùng từ 2 đồng đến 3 đồng.

**Cấm - kỵ.**— Những người hàn không nên dùng nhiều.

**Khảo-chứng.**— Các sách Bản-thảo của Tàu nói : 1.— Khổ - qua tức là Cẩm-lệ chi, giống nó có thứ quả dài, có thứ quả ngắn, dùng thứ quả dài thì nên hái lúc còn xanh, hỏ hột lấy nhục làm rau ăn, bởi vì xanh thì tinh hàn, dùng để trừ phiền, giải nhiệt; dùng thứ quả ngắn thì nên đợi lúc đã chín, lấy hột mà ăn, bởi vì chín thì tinh



nhiệt, và lại hột nó dù đắng mà có chất ngọt, dùng để ich khi trắng dương, trong một vị thuốc mà lúc xanh, lúc chín, hàn nhiệt khác nhau, cho nên ứng-dụng cũng có phân biệt. (Hoàng Cung Tú) ;

2.— Khổ qua đang xanh thì khi vị khổ hàn, lúc dùng phải ép bỏ vị đắng đi, hoặc làm tương, hoặc ướp làm dưa ăn cũng được, chín thì sắc đỏ, vị ngọt, tinh êm, có công-dụng nuôi huyết, nhuận Can và bổ-ich cả Tỳ và Thận. (Vương-Sĩ-Hùng)

**Học - thuyết Âu-Mỹ.**— Ông Prado de Tavera nói: Lá Mướp-đắng có chất xỏ và chất sát-trùng ;

Ông Concan : dùng để chữa các bệnh ở Gan và mật, và chữa bệnh ngoài da như: ghẻ lở, phỏng nước, phỏng lửa v. v.

Bên Ấn độ người ta dùng nó hợp với Quế, hột Tiêu và dầu Đại-phong-tử làm một thứ thuốc chữa ghẻ lở rất hay.

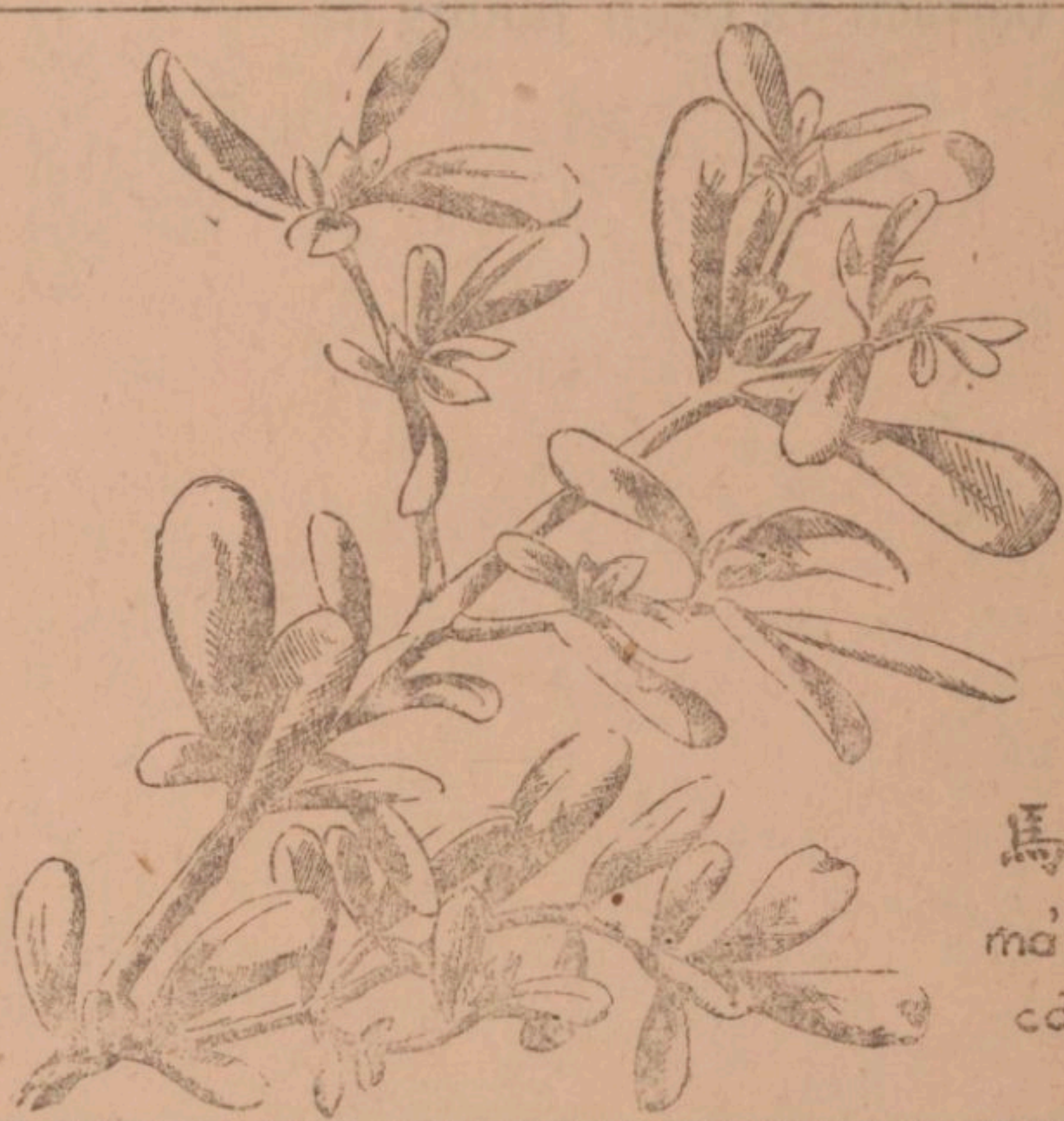
Quả xanh có chất tiêu đờm, ăn vào làm cho người ta bớt béo.



Quả và lá cũng dùng chữa bệnh phong  
hủi. Người Ấn-độ cho quả Mướp đắng có  
chất bổ, tiêu thực, chữa bệnh đau Gan,  
đau Lá-lách và bệnh phong-bạ.

...





馬蕙萇  
má xī' hiên  
cây rau sam



## *Rau - sam*

**Mã-xỉ-hiện** 馬齒莧

*Portulaca Oleracca* Lira Pourpier



**Thổ-sản.**— Thông-thường hay mọc ở đất hoang, vườn ruộng. Vừa làm thuốc vừa làm rau ăn.

**Hình-sắc.**— Thuộc về loài thảo; mùa xuân đâm mầm, bò lan trên mặt đất, chia ra nhiều cành; thân cây tròn, sắc đỏ tía, mỗi đốt bẻ ra có chất trắng-trắng như Thủy-ngân; lá dãy mọc đối-chiều nhau, hình bầu-dục, bề mặt sắc lục-xanh, bề dưới sắc tía, có nhựa, sắp từng hàng như răng Ngựa, nên gọi là « Mã-xỉ-hiện »,



Đến mùa Hạ ở chỗ kẽ lá nở hoa có 5 cánh, sắc vàng, sau kết thành quả, trong quả có nhiều hạt giống nhỏ sắc đen.

**Mùa hái.**— Thường hái về mùa Thu.

**Cách dùng.**— Không nên dùng thứ to lá. Lá nó rất lâu khô, phải dĩa nhỏ rải lên trên cái nia (nống) để về phía mặt trời mọc, độ 5, 3 ngày thời mới khô hẳn. Khi dùng phải bỏ thân cây đi, vì thân cây không có hiệu-lực gì.

**Tính-chất.** Vị chua, khi hàn, không độc.

**Công-dụng.**— Giải nhiệt, tiêu-độc, tán huyết, chữa bệnh sang-lơ, bệnh huyết-tích, và các giống độc cắn phải.

**Phân-lượng.**— Dùng từ 1 đồng rưỡi đến 8 đồng.

**Cấm - kỵ.**— Phàm bệnh hư mà đại-tiện hoạt - tiết và Đản - bà có mang đều phải kiêng. Lại không nên dùng lẫn với vỏ Tranh.



**Khảo chứng.**— Các sách Bản-thảo Tàu nói : 1.— Mã-xỉ-hiện nghiền thành cao đồ vào chỗ phong-hủi, chỗ sang sởi tóc, và vết đánh sung-tấy. Nấu cháo ăn chữa bệnh lỵ, bệnh đau ruột. (Mạnh-Sản);

2.— Mã-xỉ-hiện uống vào hay nệ bụng, làm cho người ta không muốn ăn. Thường dùng chữa bệnh xích - bạch - đái của Đán-bà. Thủa xưa có một người bị bệnh sang, lơ ở ống chân, lâu năm không khỏi, sau đặt lá nó mỗi ngày 3, 4 lần thì khỏi hẳn, thực là thần-hiệu. (Tô-Tung);

3.— Mã-xỉ-hiện có chất sát trùng, đã lấy nước mà uống thì trùng ra hết (Khai-Bảo);

4.— Mã-xỉ-hiện có công-dụng tán-huyết, tiêu thũng. (Lý-Thời-Trân).

Cây này lá màu mỡ dày dậm như chũr tiền, thân cây cũng béo mập, phơi giữa mặt trời rất lâu khô, thì biết là tinh thuộc âm-hàn, cho nên hay chữa được bệnh ung-nhọt thuộc về nhiệt độc, cũng có khi



dùng làm thuốc đặt ở ngoài. Lá nó bề mặt xanh bề lưng tía, cho nên vào được huyết - phận, mà chữa được các chứng huyết-trệ nữa. (Trương-Sơn-Lôi).

### **Bài thuốc kinh-nghiệm của Tàu**

Chữa gân xương đau nhức bất-câu phong-khí hay thấp-khí và Dương mai sang độc.

Dùng Mã-xỉ hiện khô 1 cân, Mã-xỉ hiện tươi 2 cân, Ngũ-gia bi nửa cân (8 lượng), Thương-truật 4 lượng. Dã nhỏ sắc lấy nước mà rửa ; ngay khi ấy dùng Hành và Gừng dã sẵn rót 3 bát nước nóng vào mà uống, đoạn đắp kín cho mồ - hôi ra, tức - thì đỡ đau.

**Tham-khảo**— Ông Trúc-Sơn nói trong Đông-thanh số 31 ra ngày 1 - 10 - 1933.

### **Rau sam chữa bệnh Dịch-hạch :**

Ngày tôi còn đi học chữ Hán trọ học ở Hà đông, bấy giờ là năm 1912 cùng học với tôi có hai người bạn. Một hôm về



ngày tháng 7 tôi bỗng bị cơn sốt lạ thường, người nóng như lửa, nằm ly-bi suốt ngày suốt đêm, chẳng hiểu trời đất gì cả, đến trưa hôm sau mới tỉnh giấc dậy, nhưng khó chịu lắm, và ở dưới cánh tay liền bên nách thấy nổi một cái hạch lớn gần bằng quả trứng gà, sờ vào thấy rắn-cứng, hơi đau đau và nóng hổi. Ngay khi đó tôi tưởng là lên nhọt không lo lắm. Vài giờ sau tôi lại sốt lại ngủ lịm đi từ đó suốt ngày, suốt đêm, đến khoảng 8 giờ sáng mai thì tỉnh dậy, sờ đến hạch thì thấy tan rồi. Ngày hôm ấy khỏi sốt.

Người bạn tôi thấy tôi cắt được cơn sốt mới nói : « Tôi lo anh phải dịch-hạch. Nếu nay không đỡ thì tôi phải đem đi nhà thương ». Thấy bạn nói vậy, tôi mới nghĩ ra, có lẽ tôi bị dịch - hạch thật. Vì rằng chẳng những có hạch ở kẽ nách đáng ngờ, mà trước hôm tôi sốt suốt ngày, dưới gầm giường tôi nằm có một con Chuột chết, (Tôi ở trên nhà gác, nhà chủ là ông Huyện, sạch sẽ lắm),



Ngờ là dịch-hạch, nhưng làm thế nào mà lại khỏi? Tôi hỏi bạn tôi « Trong khi tôi ốm, bạn có cho tôi ăn uống gì không? Bạn nói: « Chỉ mua một lọ dầu bạc-hà xoa, và mấy xu thuốc viên giải-cảm của Khách, nhưng gọi mãi, tôi chỉ u-ơ mà không uống. » Thuốc hiện nay vẫn còn, vậy là không phải tôi khỏi vì thuốc.

Tôi lại nhớ ra: buổi trưa hôm trước, khi tôi thức giấc trở dậy, thấy nhà chủ bung cơm lên, hai bạn mời ăn. Tôi trông vào mâm thấy cái gì cũng sợ, nhất là cơm lại càng sợ lắm. Duy có món rau Sam luộc và bát nước rau Sam thì trông thấy thèm. Ngày thường tôi vẫn không ăn được rau Sam, rất ghét rau Sam, mà hôm ấy lại khác hẳn. Tôi liền ngồi vào bàn chỉ ăn rau Sam, ăn thấy ngon kỳ-dị, uống nước rau Sam thấy ngọt như chè. Tôi ăn hết đĩa rau Sam và uống hết bát nước rau Sam ấy. Nhờ vậy tôi mới đoán là có lẽ tôi khỏi tự rau Sam.



Điều đó tuy là đoán phỏng, nhưng tôi có một vài phần tin trong trí : 1. — Vì trong khi ốm chỉ có ăn rau Sam mà thôi ; 2. — Vì khi tôi còn bé được nghe các cụ tôi nói : Lúc uống thuốc thấy sợ lắm thì đừng uống, uống tất ngộ ; nếu uống thấy ngon tất hay. Miếng ăn cũng vậy, lúc ốm đã thấy thêm món gì cứ ăn, dầu món độc cũng không sợ ngộ. Các cụ tôi đã nhiều đời làm thuốc, nên câu nói đó tôi tin và trong đời tôi đã kinh-nghiệm nhiều lần đều thấy đúng cả ; 3. — Khi tôi đi học, xem sách mới, nhà khoa-học cũng nói rằng : Trong tinh-thần người ta có một cái sức gọi là « tiềm - năng », óc không có quyền sai khiến. Ví-dụ ; đói tự-nhiên đòi ăn, khát tự-nhiên thèm uống, trông của độc tự-nhiên mắt thấy sợ, ngửi vào mũi tự-nhiên thấy ghê mũi, nếm vào tự-nhiên thấy ghê miệng v. v... đó là « tiềm-năng ». Tôi suy cái thuyết ấy ra thì trong khi ốm mà ăn rau Sam thấy ngon, hẳn trong mình tôi cần đến rau Sam, nên « tiềm - năng » xui ra như vậy chăng?



Vì ba lẽ đó nên tôi tin rằng ăn rau Sam chữa được bệnh tôi, nhưng chưa dám tin rằng rau Sam ấy chữa được bệnh Dịch-hạch, vì không biết bệnh tôi có phải dịch là Dịch-hạch hay không. Vả lại tôi xem sách Dược-linh thì rau Sam có tính giải độc giải nhiệt và chữa được đĩnh độc, (nhọt độc). Một ông lang già kể cho tôi nghe rằng: có người lên nhọt ở chỗ hậu-môn và âm-nang giáp nhau, gọi là huyền-ung rất độc, ông ta chỉ bảo ăn rau Sam, đồ bằng rau Sam, lâu rồi mà khỏi. Bởi vậy tôi ngờ rằng bệnh tôi là bệnh nhiệt, nên rau Sam mới chữa được chăng?

Mười năm sau, một làng ở gần làng tôi phát bệnh thương-hàn truyền-nhiễm ra nhiều người. Trong làng ấy có một ông giáo tên là Trần-Văn-Thông (người Vụ-xuyên Nam-dịnh tạ thế đã lâu) dạy trường tư nói chuyện với một ông lang rằng: «Cứ xem trong mình các người ốm, nhất là ở kẽ nách nếu thấy nổi hạch, ấy là bệnh Dịch-hạch; cứ bảo người ta lấy hột



rau Sam và lá Bồ-cu-vê mà uống. Kiến-hiệu lắm đó. Năm nọ ở Hải-phong phát bệnh dịch-hạch rất dữ, có một ông lão chỉ lấy hai vị ấy mà chữa được rất nhiều người khỏi ».

Ông lang này thuật lại cho tôi nghe ; nghĩ lại chuyện trước tôi lại càng mấy phần tin rằng tôi sống tự rau Sam mà bệnh tôi có lẽ bệnh Dịch-hạch thật, và rau Sam có lẽ chữa được bệnh ấy thật.

Tuy vậy cái gì chưa được khoa - học công-nhận thì vẫn là sự chưa chắc. Vậy đăng lên để thiên-hạ thi-nghiệm và khảo cứu.





高良薑

cl. nhong

Cây Riềng



## *Riềng*

**Cao-lương-khương** 高良薑

*Alpinia Galanga, Swartz. Galanga foux.*

**Thổ-sản.**— Nước ta về các ngàn-núi và các nơi thôn - quê, người ta cũng thường trồng nhiều.

**Hình-sắc.**— Thân cây thuộc về loài Thảo. Về mùa Xuân, nó mọc từng bụi một như cây Gừng, nhưng cao hơn; thân nó có từng bẹ áp vào; lá cũng như lá Gừng mà cứng hơn, mùi hăng. Tháng ba có hoa, ở giữa cây đâm lên một cái nõi, trên nõi có nhiều hoa kết lại, sắc hồng; quả nó như quả Thảo-dậu-khẩu, hình như cái



trùng dài, mặt ngoài có từng mắt bọc xung - quanh và có những vỏ mỏng sục-sủ, sắc đỏ - nâu ; trong nhục có nhiều xơ, mùi thơm như hạt Tiêu ; hạt nó gọi là Hồng-đậu-khấu. Dưới gốc có củ như củ gừng mà to - lớn hơn, sắc đỏ hồng, mùi thơm - cay, trong ruột mềm có xơ, sắc trắng xanh.

**Mùa-hái.**— Đào củ về tháng hai, tháng ba.

**Tốt-xấu.**— Củ nào thơm cay, không có mùi hăng là tốt.

**Cách dùng.**— Dùng bằng củ, thái mỏng sao vàng. Dùng hạt, bỏ vỏ ngoài, sao qua.

**Tính-chất.**— Vị thơm - cay, khi nóng, tính ôn-hòa, không độc.

**Công-dụng.**— Chuyên chữa về Tý Vị trừ phong-hàn, tiêu thực-tích, chữa thổ-tả đau-bụng ; gió lạnh tê-mỏi ; sơn-lam chương-ngược ; Vị hàn ách - nghịch ; ầu ra nước trong ; hàn - thấp tả lý ; tiêu mụn trong Dạ-dày.



**Hợp-dụng.**— Hợp với Sinh - khương (Gừng) Hương - phụ, chữa bệnh Tý hàn khí thống; hợp với Trần bì (vỏ Quit), Hậu-phác chữa bệnh thực-tích.

**Phân-lượng.**— Dùng từ 8 phân đến 1 đồng rưỡi.

**Cấm - kỵ.**— Phạm bệnh thuộc nhiệt không nên dùng.

**Khảo-chứng.**— Các Bản-thảo của Tàu nói: 1.— Lương - khương phá khí, chữa đau-bụng lạnh và bệnh phong-lạnh tê mỏi (Nhân-quyển).

Lương - khương đưa khí đi xuống, hấp với cơm ăn chữa bệnh lý (Trần - Tàng Khi);

2.— Lương-khương giải độc rượu, tiêu đồ ăn, chữa bệnh tả, lý rút gân, và bệnh phiên vị (Nhật-hoa);

3.— Chữa bệnh xồn ruột, mửa ra nước chua, nhai một khúc Lương-khương nuốt nước dần dần, trong chốc-lát chỉ ngay. Nếu người có chứng hôi miệng thì kèm với Thảo-dậu-khẩu tán nhỏ mà súc. (Tô-Tụng);



4.— Lương-khương mạnh Tỷ Vị, chữa bệnh nghẹn; bệnh tích khối; nhất là bệnh cơn thuộc về lam - chương rất hay, (Lý-Thời - Trân);

5.— Lương-khương công - dụng cốt tại tán hàn-lạnh, ấm Dạ-dày (Hy-Ung);

6.— Lương - khương vị cay - nóng, đi với Khương, Phụ thì vào Dạ dày mà tán khí hàn, đi với Hương - phụ thì giải các khí uất, phạm các bệnh mà thuộc về thật-nhiệt đều nên kiêng. Nó tuy đồng tinh với Càn-khương, nhưng Càn khương trải qua những sự bào-chế, hay tán hàn khi ở trong mà vị này cay-nóng quá, chỉ hay tán hàn-khi ở ngoài mà thôi. (Hoàng-Cung-Tú).

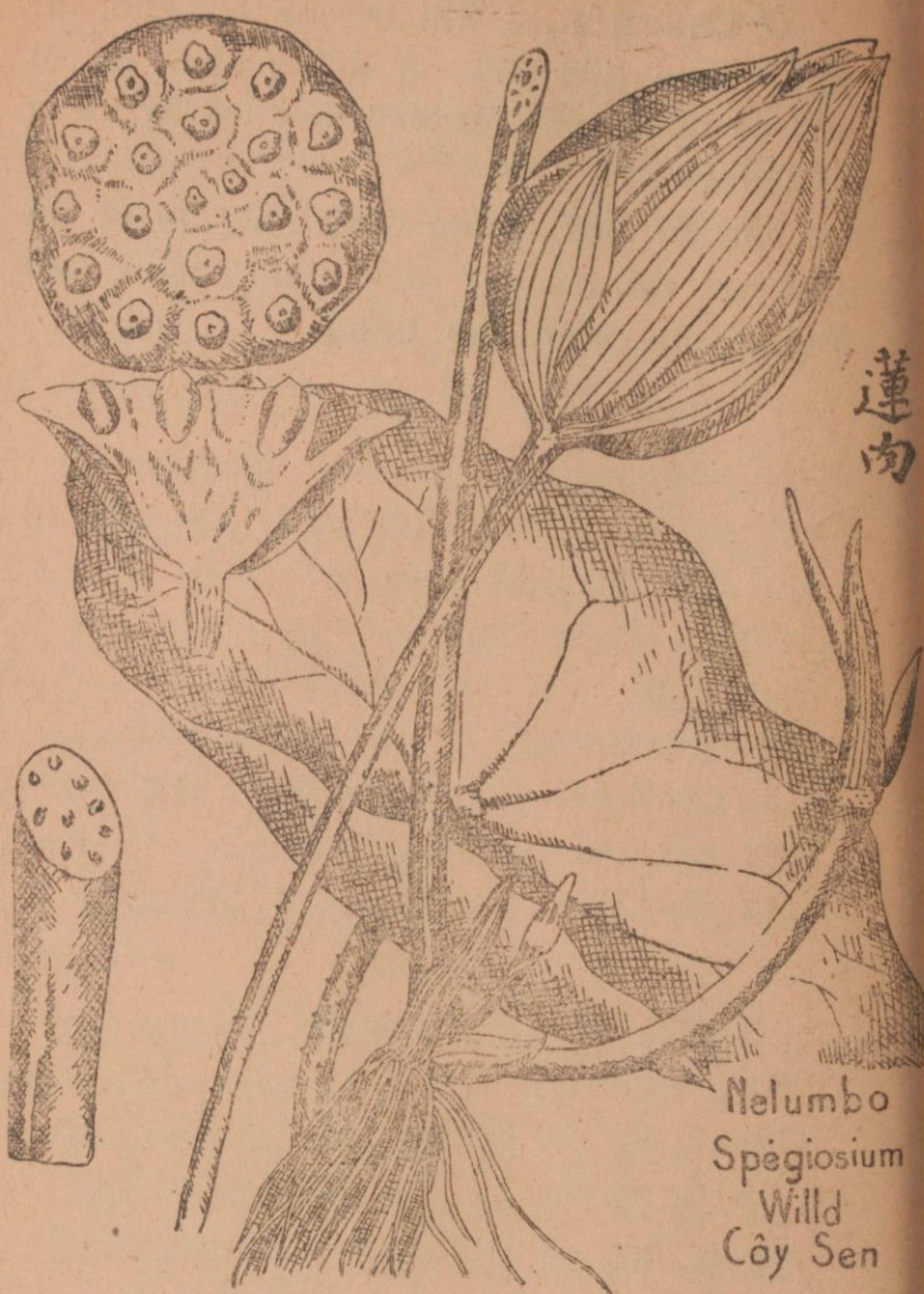
**Học-thuyết Nhật-bản.**— Trong vị Cao-lương - khương có 3 thứ kết tinh, thể:  
1) Biền-hình-kết-tinh thể 扁形結晶體;  
2) Lăng-trụ-kết-tinh thể 棱柱結晶體;  
3) Lập-trạng-kết-tinh thể 立狀結晶體.



**Ở Cao-mên.**— Khi trẻ-con bị bệnh, thì người mẹ liền lấy củ Riềng nhai ra rồi soa cả minh-mây, cả dầu dừa trẻ ấy, cũng công-hiệu.

Khi ăn phải giống độc, nhất là bị ăn thịt cóc, thì lấy tóc đốt thành than, với Riềng tán nhỏ cho uống.





蓮肉

Nelumbo  
Spégiosium  
Willd  
Cây Sen



## Cây - sen

Liên 蓮

*Nymphaea nelumbo.* (Lour)

---

**Thổ-sản.**— Từ thành-thị đến thôn-quê, ở hồ, đầm thường thấy trồng, ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ trồng nhiều.

**Hình-sắc.**— Thân cây thuộc về loài Thảo ; có hai thứ: thứ hoa trắng, thứ hoa đỏ. Mùa Xuân lại mọc lên, dưới gốc có củ, xung-quanh có ngó (liên-ngẫu). Ngó có nhiều mắt (ngẫu-tiết), mỗi mắt có cuống lá mọc thẳng lên mặt nước, cuống hình tròn, sắc xanh, xung-quanh có nhiều gai nhỏ, trong ruột xốp, có nhiều lỗ, có nhiều tơ. Lá nó tròn to dày như cái nón,



ngửa, bề mặt sắc xanh, bề dưới sắc hơi trắng, có gân nổi lên. Tiết tháng ba, tháng tư trở hoa, có nhiều cánh ấp lại; chính giữa hoa có gương (liên-phòng); xung-quanh gương có nhĩ - vàng (liên - tu); đầu nhĩ - vàng có gạo trắng. Thử gạo trắng này thường lấy để ướp chè rất thơm. Hoa tàn thì cái gương lớn, trong có nhiều hạt, lúc non thì sắc lục-lợt, chất mềm, lúc già sắc đen-nâu rất rắn; ở trong có nhân (liên-nhục), ngoài cái nhân có cái màng đỏ, ở giữa nhân có tim xanh (liên - tâm); hạt già để cả vỏ gọi là Thạch-liên-nhục.

« Đây nói tháng Ba, tháng Tư có hoa, nhưng cũng tùy từng xứ, như ở Nam-kỳ tháng chạp đã có hoa, ở Huế, tháng giêng đã có ».

**Tốt-xấu.**— Hạt nào chắc rắn, nhân già đầy - đặn không nhăn, hương vị thơm là tốt.

**Cách dùng.**— Dùng Ngó sen : rửa sạch đem dao đồng thái mỏng, đã lấy nước hoặc phơi khô.



Dùng Ngẫu-tiết, lấy mắt rửa sạch, thái mỏng, phơi khô.

Dùng cành và lá, lấy thứ không già quá, không non quá, phơi khô.

Dùng hoa và nhĩ, phơi khô.

Dùng Liên-nhục, bỏ vỏ đen và tim xanh, phơi khô, cũng có khi sao.

Dùng Liên-tâm (tim xanh) phơi khô, và cũng có khi sao qua.

**Tính-chất.**— Vị ngọt-bùi, khí thơm-mát, chất hơi sáp, tính hòa-bình không độc,

**Công-dụng.**— Liên-ngẫu giúp sức tiêu-hóa cho dạ-dày, chữa bệnh sốt và miệng khát, ruột nóng; bệnh thời-khí thổ-tả; đản-bà sản-hậu ứ huyết; và bệnh thổ-huyết; tiểu-tiện uất-kết; giải độc rượu.

Ngẫu tiết.— Thông các mạch máu, chữa các bệnh: thổ-huyết; nục-huyết; huyết lỵ; đại tiểu-tiện ra huyết; ho ra huyết; đản-bà băng huyết; đản-ông huyết-lâm và chứng di-tinh; bạch-trọc; mũi thường ra nước hôi (ty-uyên).



Lá Sen, (hà - diệp). Cuống Sen (hà - ngạnh). — Thông các màng-mỡ, giúp sức cho Tỳ, Vị — chữa phổi nóng; mụn-độc sưng-thũng; đàn-bà sản-hậu bào-y chậm ra; người có thai bị thương-hàn phát sốt; và chữa các chứng thoát - giang; chứng đau đầu; đau răng; trẻ-con đơn-độc; sơn ăn sinh chốc-lở.

Liên-hoa — Hoa Sen làm cho da-thịt tươi tốt, chữa các chứng huyết; bổ-gãy chảy máu; chữa mụn Thiên-pháo.

Liên-phòng — Chạy suốt các kinh-lạc và lá Gan — chuyên chữa về huyết, như đàn-bà kinh - nguyệt ra mãi không thôi; có thai lậu huyết và lúc sinh, Nhau (Bào-y) chậm ra.

Liên - tu — Chuyên chữa về trái Tim và quả Cật, chữa các chứng thất-huyết; chứng di-tinh; mộng-tinh và làm cho đen tóc, đen râu, nhan-sắc đẹp-dẽ; chữa bệnh trĩ, bệnh lậu đã lâu ngày.

Liên-tử — Bổ-ich nguyên-khi, thêm tinh-thần, chữa bệnh khát; bệnh sốt; bệnh lỵ; bệnh di - tinh; bệnh xích - bạch-trọc;



đàn-bà bạch-đái. Thường làm cháo, làm chè ăn rất bổ-ích cả ngũ-tạng. Người ta thường sao vàng, tán nhỏ như café pha nước uống rất thơm-ngon dễ ngủ.

Liên-tâm. — Mát hơi nóng trong quả Tim, chữa lao-tâm thổ-huyết; tiểu-tiện có tinh ra; và chứng nóng ruột khát nước; hoắc - loạn thổ - tả; đàn - bà huyết nhiệt sinh bệnh khát; nhiều người lấy Liên-tâm sao vàng cũng pha làm nước uống thay chè, hương-vị và sắc như nước chè Liên-tâm của Tàu vậy, uống nó lại được dễ ngủ.

Thạch-liên-nhục. — Chữa hư-lao, mạnh gân cốt, làm cho tinh-khi kiên-cố, trừ được các chứng mộng-tinh, di-tinh; nhất là bệnh lý cấm-khẩu.

**Hợp - dụng.** — *Liên - ngẫu.* Hợp với Bạch-mật chữa thời - khi phát khát; hợp với nước tiểu trẻ-con, chữa bệnh thương-hàn miệng khô ráo; hợp với nước củ Cải chữa bệnh nhiệt-lâm; hợp với Sữa và Mật-ong, chữa mụn-độc trong ruột.



*Ngẫu-tiết.* — Hợp với Mụn - tóc, nước tiểu chữa huyết-lâm.

*Hà-diệp.* — Hợp với Bắc và quế - tâm chữa huyết uất đau bụng; hợp với Bồ - hoàng, Bạch-cập làm thuốc chỉ huyết; hợp với Ngải-cứu, Trắc-bá, chữa bệnh thổ-huyết.

*Liên-hoa.* — Hợp với rượu chữa bệnh thất-huyết.

*Liên-tu.* — Hợp với Mè đen (vùng đen) làm thuốc cố-tinh; hợp với Kinh-giời chữa đàn-bà băng-huyết; hợp với Hương-phụ chữa bệnh sản-hậu hạ-huyết.

*Liên-nhục.* — Hợp với Ngạnh-mẽ Mật ong làm thuốc bổ Tý; hợp với Long-cốt, Ých-tri chữa bệnh thất tinh; hợp với Nhục-khẩu, Bạch-mẽ chữa bệnh ầu thổ.

*Liên-tâm.* — Hợp với Nhu-mẽ chữa bệnh lao tâm thổ huyết.

**Phân-lượng.** — Dùng từ 1 đồng rươi đến 3 đồng.

**Cấm-kỵ.** — Dùng Ngó sen phải kiêng các đồ sắt và người tạng hàn không nên dùng nhiều.



Dùng lá sen — Những người ốm - yếu không nên dùng nhiều, và không nên làm gỏi gỏi dầu, vì nó hút hơi rất mạnh.

Dùng liên - phòng. — Những người đại-tiểu tiện táo-kết và kinh - nguyệt không đều không nên dùng.

Liên-tu. — Cấm dùng với Hành và Tỏi.

Liên nhục. — Những người đại-tiểu tiện táo-kết và trong bụng có hơi lạnh không nên dùng nhiều.

**Khảo-chứng.** — Các bản-thảo của Tàu nói: 1. — Liên nhục dã nhỏ, nấu cháo Gạo mà ăn rất bổ. (Tô-Tụng ;

2. — Liên-nhục yên quả-Tim, đỡ nóng, đỡ khát, chữa bệnh ly ; bệnh tiết-tinh ; ăn nhiều làm cho người ta có cách vui vẻ (Nhật-Hoa) ;

3. — Liên-nhục giao-thông Tâm và Thận, sáp Trường-vị, bền tinh-khi, trừ hàn-thấp, chữa bệnh tiết-ly ; bệnh xích-bạch-trọc và bệnh đới, băng của đàn - bà. Liên - ngẫu, Liên - phòng chữa các bệnh huyết như :



khái - huyết. thóa-huyết ; hạ huyết ; niêu-huyết và bệnh huyết-lâm ; huyết ly ; huyết-băng (Lý-Thời-Trân) ;

4.— Liên-nhục tinh mát, làm cho hỏa-khi ở Tâm, Can được im-lặng, (Trần-Gia-Mô) ;

5.— Các sách đều cho Liên-nhục vào Tâm, Tỳ và Thận. Nhưng vị này khi thơm mà tinh êm hòa, thực là một thứ quả thuộc về Tỳ. Vả lại vị chất thi khí không chạy tan ra, nên chữa được bệnh băng, bệnh đái v. v, Vị chất thi Trường-vị được bền-chặt, nên chữa được bệnh tiết, bệnh tả, v. v. Nhưng người đại-tiện táo không nên uống. Liên-tu công-dụng cũng như Liên-nhục, nhưng tinh sáp nhiều hơn, uống vào hay mát quả-Tim, thông quả-Cật, phạm bệnh tinh-hoạt rất nên dùng, không phải như Long-cốt, Mẫu-lễ, Kim-anh chỉ một mặt thu-sáp mà thôi. (Hoàng-Cung-Tú) ;

6.— Liên-nhục thứ tươi thì ngọt mà êm, mát quả-Tim, nuôi Dạ-dày, chữa bệnh cấm-khẩu, ly, hoặc dùng sống dùng chín



đều được cả, thứ khô thì vị ngọt và ấm, an thần, bổ khí, nhất là có công cố-sáp ở hạ-tiêu, cho nên chữa bệnh băng; bệnh đới; bệnh di-tinh và bệnh đại-tiểu-tiên bất cảm; người ta thường xay thành bột nấu cháo ăn rất có công-hiệu.

Dùng thứ hạt thuộc về loài hoa đỏ, thì nhục dày và mềm, nhưng tinh sáp hay làm cho khi trệ, khi ăn sống phải nhai kỹ, ăn chín phải ngâm nước sôi bỏ vỏ bỏ ruột. chung cho thiệt như. Liên-tâm vị đắng, tinh mát, mát khi nóng, liễm mồ-hôi, làm cho quân-hỏa và tương-hỏa đều im-lặng. Liên-phòng phá huyết mà cũng chỉ được huyết, nấu với rượu uống, chữa Bào-y không ra. (Vương-Si-Hùng);

7.— Nấu thứ Liên-nhục lâu năm, đồng-thời phải bỏ mậ Sen vào thì mau như (Vương-Tả-Thanh);

— Chữa bệnh Tâm Thận bất giao, uống Liên-nhục phải để cả n xanh, (Liên-tâm ở giữa mới được (Vương-Bình-Hán);



9.— Liên-nhục bỏ Vị mà đưa nghịch-khi đi xuống, cho nên chữa bệnh phiên vị mỗi ngày dùng thứ khô nhai nuốt rất hay. Còn bệnh cảm khẩu lý là nhiệt-tả phạm vào Vị, dùng Hoàng-liên để giải nhiệt, cần phải kèm với Liên-nhục để làm cho vị-khí được trấn tĩnh, thì mới có công-hiệu. Ngẫu-tiết chữa bệnh thổ-huyết và nục-huyết. (Vương-Mạnh-Anh);

10.— Dùng Liên nhục mà bỏ vỏ lụa thì bỏ Tỷ, ich Phế, bệnh tả lý rất nên dùng nhiều; nếu để cả vỏ lụa thì vị chất có tinh thu-liễm, sắc lại giống huyết, cho nên chữa các bệnh thất-huyết, thường kèm với Sâm, Truật rất hay. (Cổ-Cửu-Như);

11.— Liên-tâm chữa bệnh hoắc-loạn. (Chư-gia Bản-thảo);

12.— Liên-tử vị ngọt, tinh sáp, chỉ huyết cổ tinh, chữa bệnh tiết tinh của đản-ông và bệnh băng đái của đản-bà (Lý-Sĩ-Tài).



**Học-thuyết Âu-Mỹ.**— Ông Dumoutier nói : Hột Sen rất bổ và chữa bệnh Tháo-dạ, bệnh ly ; bệnh Di - tinh ; mộng - tinh ; rất có công-hiệu. Ông R P. Robert nói : Hột Sen rất bổ ; an Tâm, mát Phổi, chữa bệnh Kiết-ly. Hột Sen tươi ăn dễ ngủ ; uống nước tim Sen lại dễ ngủ hơn nữa.

### **Bài thuốc kinh-nghiệm của Tàu**

Thụy-liên-hoàn 瑞蓮丸. Thạch-liên-nhục (bổ ruột, sao), Bạch-linh-nhục (bổ vỏ), Long-cốt, Thiên môn (bổ ruột), Mạch-môn (bổ ruột), Tử-thạch - anh (đốt), Bá - nhân (sao), Chi - nhục (tầm nước cam - thảo, bổ ruột), Đương - qui (tầm rượu), Tảo - nhân (sao). Mỗi vị đều 1 lượng, Nhũ - hương 5 đồng. Các vị đều nghiền nhỏ luyện mật viên bằng hột Ngô, dùng bột Châu-sa làm áo, mỗi lần nuốt 70 viên với rượu, khi đói bụng. Chữa bệnh lo-lắng thương đến quả Tim, sinh bệnh xích-trọc.



Thủy-chi-đan 水 芝 丹, Dùng Liên-tử  
1 cân (tắm rượu một đêm), lại dùng một  
cái Dạ-dầy Lợn đực rửa sạch, bỏ Liên-tử  
vào, may lại, nấu chín, đem ra phơi khô  
tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt Ngô, mỗi  
lần nuốt 50 viên với rượu trước khi ăn  
cơm. Chữa bệnh hư tổn.

Chúng tôi sẽ có một quyển sách nói về  
cây Sen rất công-phu, có thể dày tới 100  
trang, có nhiều hình-ảnh, văn-thơ...



## *Các chứng bệnh*

### *1.— Âm-môn tự-nhiên sưng lên.*

Dùng 9 hột Tiêu, cho nước vào, nấu sôi lên, để hơi âm - ấm mà rửa luôn là khỏi.

### *2.— Băng-huyết.*

A. Dùng Hương-phụ 3 đồng sao cháy, bẹ Móc 1 đồng, đốt cháy, đều tán nhỏ hòa rượu mà uống.

B. Dùng gương Sen cũ, Kinh-giới tuệ 2 vị cân nhau đều đốt tồn - tinh. nghiền nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm.

### *3.— Bụng dưới đau (Tiểu-phúc-thống)*

Đau bụng dưới gọi là Tiểu-trường-khi, Dùng Hương - phụ tán nhỏ 2 đồng, lấy 1



đồng. Hải-tảo sắc với rượu làm nước thang mà uống và ăn cả Hải-tảo nữa.

(Bài này tức là chữa về Sán-khi).

4.— *Bụng đau.* (Phúc-thống).

Chữa bụng đau như đâm thuộc về khi-uất.

A) Dùng Hương-phụ 2 lạng, Ô - dược 1 lạng, Chích-thảo 1 đồng. Các vị tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước muối.

B) Dùng Hương-phụ 1 lạng, Ngải - cứu 5 đồng, 2 vị cho vào Dấm-thanh nấu lên, rồi chỉ lấy Hương-phụ sao khô tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt ngô, mỗi lần nuốt 50 viên.

C) Dùng Hương - phụ 1 lạng sao, hột Vải 5 đồng đốt cháy, tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đồng với nước cơm.

Chữa bụng đau khó chịu thuộc về huyết-uất.

Dùng Cao-lương-khương 3 đồng, Ngũ-linh-chi 6 đồng, 2 vị tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với Dấm-thanh.



Chữa bụng đau thuộc về hàn-lãnh.

A) Dùng Cao - lương - khương, Can-khương, 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước thang Vô-quít, sau khi ăn cơm.

B) Dùng 27 hột Tiêu, nuốt với rượu.

Chữa đàn-bà bụng đau như cầm dây mà thắt, bởi kinh bế. Dùng Hương - phụ giãm nước tiểu tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng lấy rượu mà tống.

5. — *Bụng đầy.* (Phúc-trường)

A) Dùng Hương - phụ 1 lượng, Sa - nhân 8 đồng, Chích - thảo 4 đồng tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước muối.

B) Dùng Hương phụ, Ô-dược, 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, sắc muối và gừng, làm nước thang.

6. — *Cá đuối đâm phải.*

Dùng 3 hột Tiêu sọ và 1 chục phân Chuột, 1 cục Mò hóng, 3 Thử đâm nhỏ dịt nơi bị đâm, chốc lát thì khỏi.



7.— *Có thai nôn mửa* (ác trở).

Dùng Hương-phụ 3 lạng, Hoắc-hương 5 đồng. Cam thảo 2 đồng. Các vị tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng bột với nước sôi.

8.— *Cóc cắn*

Dùng 1 nắm lá Rau-Sam đã nát, dặt vào, đoạn lấy 1 nắm lá Tử-tô, đổ 3 chén nước, sắc còn 8 phân mà uống rất hay.

9.— *Chó cắn.*

Khi bị chó khôn cắn phải. Lấy hột Tiêu tán nhỏ, rắc vào chỗ bị cắn là khỏi.

10.— *Da vàng.* (Hoàng đản)

Chữa bệnh da vàng vì uống nhiều rượu.

Lấy nhân hột Gấc mài với Dấm-thanh, uống 1 vài chén, bao giờ đại tiện lợi là khỏi.

11.— *Di-tinh*

Dùng Liên - nhục, Bạch - linh, 2 vị cân nhau, tán nhỏ, uống với nước nóng, lâu ngày sẽ khỏi.



12.— *Dốn lở* (tề-sang).

Trẻ con lở giữa lỗ Dốn lâu ngày không khỏi. Dùng Rau Sam đã nhỏ đồ vào.

13.— *Đại-tiện ra máu* (Tiện huyết)

Lá Xa-tiền, lá Ích-mẫu, 2 vị cân nhau, đã nát, vắt lấy nước mà uống.

14.— *Đau đầu voi* (Hạc-tất-phong)

Đầu gối sưng to đau bấp thịt, ống chân rút bé lại. Đào rễ cây Gác (kiêng sắt) rửa sạch, đã nhỏ, vắt nước lọc cho trong, đổ vào chai, nút chặt, khi dùng phải hâm nóng, hòa ít Đường cát vào mà uống. Còn bã thì chung rượu bóp chỗ đầu gối và chân vài lần là khỏi. (Bài này đã kinh-nghiệm chữa được cả bệnh Cước khi nữa.)

15.— *Đau đờm* (Đàm-thống)

Dùng Hương-phụ (ngâm nước Chấm-kết), Bán-hạ (chế gừng) đều 1 lượng, Bạch-phản 5 đồng, đều tán thành bột, viên với hồ bằng hột Ngô, mỗi lần nuốt 3, 4 mươi viên với nước gừng.

16.— *Đau tức*.

Đau tức ở thóp ngực.



Dùng Hương-phụ tằm dấm sao, Cao-lương-khương tằm rượu sao, 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, rây kỹ, mỗi khi uống 3 đồng, hòa với 3 vị sau này :

Nước Cơm, nước gừng, nước Muối.  
Uống đến 7, 8 lần là khỏi hẳn.

17.— *Đầu đau.* (Đầu thống)

Vi hàn-khí phạm vào não, sinh đau đầu.

Dùng Cao-lương-khương nghiền bột thổi vào lỗ mũi, mỗi lần một ít, làm cho hắt hơi là khỏi.

Vi khí uất mà đau đầu.

A) Hương-phụ tán nhỏ, uống với nước trà, mỗi ngày 2, 3 lần, lúc đói.

B) Hương-phụ 4 lạng sao, Xuyên-khung 2 lạng tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước trà. Khi đói bụng.

18.— *Đầu đau chính giữa hay một bên.*

Hương-phụ 1 lạng, ngâm nước tiêu sao khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu.



19.— *Đầu mắt xây - xâm.* (Đầu mục  
hôn-huyền)

Hương phụ 1 cân (bỏ vỏ nấu với nước  
lã 1 giờ) đem phơi khô, tán nhỏ, viên  
với mật bằng trái Nhãn, mỗi lần dùng 1  
viên, đồ 1 chén nước sắc lấy 8 phân mà  
uống. Đản-bà thi sắc với dấm mà uống.

20.— *Đậu mọc không đều* (Đậu xuất  
bất khoái)

Dùng 2 lạng hột Hồ-tuy (mùi, ngò) cho  
vào 2 bát rượu to, sắc rồi, đập kín lại,  
bao giờ lạnh, rót bỏ bã đi, cứ ngậm phun  
dần dần từ sau gáy, sau lưng đến chân  
tay cho khắp, nhưng đừng phun ở đầu  
và mặt. Nếu không có hột thì dùng cây  
cũng được.

21. — *Đẹn.*

Con nit thường bị đẹn, trên lưỡi, trên  
miệng nổi mụn nhỏ nhỏ, sắc trắng.

Dùng 1 nắm rau Sam cho tý muối vào,  
dã nát, vắt lấy nước mà súc, rất hay.

22.— *Đẻ ngang* (hoành-sinh)



Đàn-bà khi sinh bị con nằm ngang không ra.

Dùng Xa-tiên-tử, tán nhỏ, uống rượu, mỗi lần 2 đồng.

23.— *Đinh độc.*

Dùng 1 nắm Mã-xỷ-hiện, 3 phân vôi-đá, tán nhỏ, hòa lòng trắng trứng gà mà đồ.

24.— *Độc nấm.*

Khi ăn các thứ nấm, trúng phải độc.

Dùng Kim-ngân-hoa thứ tươi, nhai nuốt xuống thì giải được ngay.

25.— *Ghẻ.*

Mua 1 xu Tiêu-sọ, rang cháy, tán nhỏ, hòa với dầu dừa mà xức.

26.— *Gót chân sưng đau. (cước khí)*

Dùng Kim-ngân hoa tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu. Hoặc chân phù-thũng, hay dầy-trương, tiểu-tiện không thông, dùng 1 nắm rau Sam, nấu với nước cơm mà ăn.

Dùng nhân hột Gấc, mỗi hột xẻ thành 2 mảnh, sao cảm qua, đoạn thái nhỏ lại



sao lãn nữa, bao giờ hết dầu là được, mỗi một lạng gia nửa lạng quế nhục, tán nhỏ, dùng rượu uống 2 đồng, uống cho say, mồ-hôi ra là khỏi.

27.— *Ho* (Khái thấu)

Ho-hen vi khi nghịch lên.

A) Dùng Hồ-tiêu 30 hột, dā nhỏ, Xạ-hương 5 phân, cho vào 1 cốc rượu, sắc lấy một nửa, uống khi nóng.

B) Hồ-tiêu 5 đồng, tán nhỏ, chấm với bún mà ăn.

Ho đã lâu không khỏi. Dùng Hồ-Tiêu 6 hột, bầu-dục lợn 1 cặp, thái mỏng bỏ vào bát, hấp cơm, lấy nước uống.

28.— *Hoắc-loạn*.

Hoắc-loạn trên mưa dưới tả.

A) Dùng Hồ-tiêu 49 hột, Đậu-xanh 149 hột, nghiền nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước thang Nam - mộc - qua (quả đu - đủ chưa chín).

B) Cao-lương khương sao thơm, mỗi lần dùng 1 lạng cho rượu vào sắc sôi 3, 4 lần mà uống.



C) Dùng Cao-lương-khương thái nhỏ, 2 đồng, Đại-táo 1 quả, sắc lấy nước uống khi nguội.

D) Cao-lương-khương 1 lạng thái nhỏ, đồ 3 bát nước, sắc còn 1 bát, lọc lấy nước trong, cho một nắm gạo vào nấu cháo ăn.

E) Dùng 5 lạng Hồ - tiêu, 5 lạng Đậu-xanh dã nhỏ lẫn với cơm làm hoàn, bằng hột Đậu-xanh, mỗi lần uống 5 hoàn, lấy rượu làm thang.

29.— *Hôi-nách* (Hồ-xú)

Rau Sam dã nhỏ, hòa với mật làm một nắm bọc giấy, trét bùn lại, phơi khô, đốt cháy, rồi gỡ hết đất, giấy ra, lấy thuốc nghiền nhỏ, trước lấy miếng vải xát nơi nách cho rát, đoạn lấy bột thuốc hòa với mật xát vào, làm cho thực đau, ngày làm 2 lần; bao giờ khỏi thì thôi.

30.— *Hư tồn*.

Dùng Liên-nhục 1 cân, ngâm rượu 2 đêm, cho vào cái dạ dày Lợn dực, may



kin, nấu chín, lấy ra phơi khô, tán nhỏ, viên với hồ bằng hột Ngô, mỗi lần uống 60 viên, với rượu trước khi ăn.

31.— *Kinh không chỉ.*

Dùng Gương-sen đốt tồn-tinh, nghiền nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu.

32.— *Kinh không đều.*

Dùng Hương - phụ (chế dấm) tán nhỏ mỗi lần uống 1 đồng với dấm, mỗi ngày 2 lần.

33.— *Kinh-phong.*

Mắc bệnh kinh - phong mắt miệng méo - sệch.

Dùng Hồ-tiêu, hột Gấc (bỏ nhân) 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, hòa với bột đậu đen, đã nhuyễn, viên với hồ bằng hột Đậu-xanh, mỗi lần uống 3, 4 viên với nước thang Kinh giới.

34.— *Khạc ra máu (lạc huyết).*

Dùng Hương - phụ tán nhỏ mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm.



35 *Khó đẻ* (Sản nan)

A) Đản bà có thai khi đẻ phòng có sự khó khăn, dùng một lạng Xa-tiên-tử phơi khô, tán nhỏ, uống mỗi lần 1 thìa với rượu, mỗi ngày 3 lần.

B) Hoặc khi sắp sinh, dùng 1 cánh hoa Sen, viết chữ nhân 人 vào rồi nuốt xuống thì đẻ ngay.

36.— *Lâm*

Dùng 3 nắm lá Mướp-dắng, 1 nắm lá Mã-dề, 1 nắm lá Cỏ-xước, 3 vị thái nhỏ cho nước vào nấu kỹ mà uống, mỗi lần 1 bát, mỗi ngày 3 lần.

37.— *Loài độc cắn,*

Dùng 2, 3 chục hột tiêu, nhai nhỏ nuốt lấy nước, ngoài lấy bã đắp vào chỗ bị thương.

38.— *Lở - láy.*

A) Dùng Kim - ngân - hoa 1 lạng, Kinh-giới 3 đồng sắc uống.

Nếu lở mà có nhiều nước.



B) Dùng Gương - Sen cũ, đốt tồn-tinh, nghiền nhỏ, điều với bùn dưới đáy giếng mà đổ vào. Hoặc lấy hoa sen tươi đặt vào cũng hay.

39.— *Lưng đau.* (Yêu thống)

Lưng đau vì thấp-nhiệt.

Dùng 7 nắm Mã-đề cả lá, cả gốc, 7 nắm Hành-tăm, đề cả rễ, hai vị rửa sạch, 7 quả Đại-táo, cho cả vào bình rượu, nấu cách-thủy, mỗi ngày uống 3 chén, mỗi lần 1 chén.

40.— *Ly cảm-khầu.*

A) Lấy 6 cái nhân hột Gấc đã nhuyễn như bùn, chia làm hai phần, dùng một cái bánh-mỳ, cũng cắt ra làm 2 nửa, chỉ dùng 1 nửa bánh, xuyên một cái lỗ, nhét 1 phần thuốc vào, đem nướng, ngay lúc đang nóng đặt trên Dốn người bệnh, độ nửa giờ lại thay nửa khác, thì bệnh ly khỏi ngay.

B) Dùng một lượng Liên-nhục, 5 đồng Hoàng-liên, sắc đặc ngâm nuốt dần dần.



41.— *Ly ra máu* (Huyết ly)

A) Dùng Kim-ngân-hoa 1 lạng sắc uống.

B) Rau-Sam 1 nắm to dũa lấy nước cốt hòa với ít mật mà uống.

42.— *Ma bản*. (Xạ-công)

Dùng rau Sam dũa lấy nước đặc mà uống, bã đắp ở ngoài.

43.— *Máu cam* (Nục-huyết)

A) Lấy lá Xa-tiên tươi vắt lấy nước đặc mà uống.

B) Dùng Xa-tiên, Thương-nhi, Thanh-cao, 3 vị bằng nhau, sắc đặc mà uống.

44.— *Máu xâm*. (Huyết-vậng)

Sau khi để bị máu độc xông lên xây-xâm. Dùng Hương-phụ tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước gừng và Đại-táo.

45.— *Mắc thuốc độc*.

Dùng rễ Ngò (hồ-tuy) dũa lấy nước độ nửa bát hòa rượu vào mà uống.



46.— *Mắt có mây.*

Dùng lá Mã-đề, lá Câu - khỉ, mỗi thứ 1 nắm to, tay vò cho ra nước đặc; đoạn dùng 2 cái lá Dâu to đựng lấy bọc lại, treo chỗ im, một đêm, rồi gỡ lá dâu ra, lấy nước mà điêm.

47.— *Mắt có mộng.*

Dùng 1 nắm rau-Sam dã nhỏ, hòa ít bột Mang-tiêu (hiệu thuốc Bắc có bán) đặt vào miếng bông má, dịt, phải thay-đổi luôn.

48.— *Mắt đau (Mục thống)*

Mắt đau đỏ như tiết.

A) Dùng hoa Mướp-đắng phơi khô, tán nhỏ, uống với nước thang Đẳng - tâm (Bắc - trắng).

B) Dùng lá Xa-tiền vò lấy nước cốt hòa với ít Mang-tiêu, khi đi ngủ đặt vào my mắt.

C) Dùng hạt Sen bỏ vỏ lụa, nấu cháo gạo mà ăn.

D) Dùng rau-Sam 1 nắm, bỏ 1 ít muối dã cho nhỏ, lọc lấy nước trong mà uống, bã đắp ngoài.



49.— *Mồm và mũi chảy máu*

Bởi tạng nóng quá.

Lấy hột Xa-tiên dã nhỏ, vắt lấy nước mà uống.

50.— *Mộng tinh.*

A) Hột Tiêu sao, hạt hẹ 4 lạng sao thơm, Đậu-đen 1 lạng, sao thơm, Bạch-chỉ 5 nhân (vị thuốc Bắc) (Vị hột Tiêu cứ đếm tuổi người bệnh mà dùng, mỗi tuổi dùng 1 hột). 4 vị cho cả vào bình mà ngâm rượu ngon, ngâm 7 ngày 7 đêm, rồi uống nhiều ít tùy ý, uống vào lúc đói.

B) Lấy 1 ít rau Sam nấu nước thật sôi, nhúng rau Sam vào, rồi lấy ra ngay ăn với đường.

51.— *Mụn độc.*

A) Dùng Hương-phụ ngâm nước Gừng 1 đêm, sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, bất-cứ mụn mới phát hay đã lâu phát mủ rồi, đều dùng được cả.

B) Dùng Hương-phụ 5 đồng, Ngân-hoa 2 lạng sắc uống luôn.



52.— *Mụn phát bối.*

Lấy 5 cái nhân hột Gấc, 4 lạng Phèn chua, 4 đồng Muối - trắng, 4 lạng quả Bồ-kết (bỏ hột). Các vị tán nhỏ, viên bằng hột Đậu-xanh. Khi dùng lấy quả Chuối-tiêu dã nhỏ, vắt lấy nước, mài thuốc viên vào mà đồ, mỗi ngày 3 lần.

53.— *Ngón tay sưng.*

10 đầu ngón tay sưng lên đau như kim đâm, không có mủ, và toét thịt, gọi là Xuyên-chướng-sang.

Lấy hột Tiêu tán nhỏ, nấu nước cho nóng lên mà ngâm ngón tay, cứ mỗi ngày 2 lần là khỏi.

54.— *Ngứa dái. (âm-nang tương)*

Dùng Xa-tiên-tử sắc nước rửa luôn.

55.— *Ngựa cắn.*

Luộc rau Sam mà ăn, lấy nước rửa chỗ đau.

56.— *Ngực đau (hung thống)*

Chinh giữa ngực đau 1 chỗ khó chịu.



Dùng Hương-phụ tằm Dấm-thanh, Cao-lương-kương tằm rượu, 2 vị đều tán nhỏ, để riêng từng vị, nếu vị khi uất thì hay tức, hay đầy, thì dùng 2 đồng Hương-phụ, 1 đồng Cao - lương - kương; nếu vị hàn uất thì ưa bóp, ưa ho nóng, thì dùng 2 đồng Cao-lương-kương, 1 đồng Hương-phụ, hòa lẫn nhau, gia nửa chén nước gừng, một tý Muối mà uống, độ 7, 8 lần là khỏi.

57.— *Phiên - vị.*

Cứ sớm mai ăn, đến chiều lại mửa ra cả.

A) Hồ-tiêu ngâm Dấm-thanh, phơi khô, làm như thế 7 lần, tán nhỏ, lấy hồ viên bằng hột ngô, mỗi lần uống 3, 4 mươi viên với dấm.

B) Hồ-tiêu 3 đồng rượu, gừng nướng 1 lượng, sắc lấy nước chia làm 2 lần uống.

C) Hồ-tiêu, Bán - hạ (chế gừng) 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, viên với hồ bằng hột Ngô, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng.



58.— *Phong - thấp.*

Bị bệnh phong-thấp mình mẩy chân tay tê - mỏi.

Cao - lương - khương 1 lượng, Trần-bì 1 lượng, Hột-tử-tô 1 lượng, 3 vị tán nhỏ, luyện với mật, viên bằng hột Ngô, mỗi lần uống 10 viên với rượu, lúc đói.

59.— *Phòg - lao.*

Chữa bệnh Phòg-lao thuộc về Âm-độc.

Dùng 7 hột Hồ-tiêu, 2 tấc rươi đọt Hành, 1 phân Xạ-hương, đã nhỏ, nấu sáp Ong hòa thuốc vào, làm thành một thoi, nạp vào âm-môn, chốc-lát mồ-hôi ra là khỏi.

60.— *Quai - bị.*

Hột Gấc, vỏ Chuối-hột, Quai-bị cũ, 3 vị đều đốt ra than, tán nhỏ, rây kỹ, hòa với phần Trùn mà bôi.

61.— *Quyết - lãn.*

Chân tay quyết-lãn. Dùng Hương-phụ sao, tán nhỏ, hòa với nước Tiểu mà uống.

62.— *Rắn cắn.*

A) Lấy hột - tiêu, hột Ngô (Hồ-tuy) hai vị bằng nhau, nhai nhỏ dịt vào.



B) Lấy lá Mã-dề đã nát, vắt lấy nước mà uống.

63.— *Răng đau.* (Nha-thống).

Đau răng thuộc về phong.

A) Dùng Cao - lương - khương 2 đồng. Toàn - yết (bỏ kệ sao) 1 đồng, tán nhỏ, xia vào răng làm cho nước miếng chảy ra, đoạn lấy nước muối súc miệng.

Nếu đau mà mặt sưng-thũng thì dùng 1 nắm rau-Sam vắt lấy nước cốt nhỏ vào là bớt sưng.

B) Dùng 2 lạng Hương-phụ, lấy 2 củ gừng tươi đã nhỏ, vắt lấy nước ngâm 1 đêm, sao vàng, tán nhỏ, cho vào 1 đồng Thanh-diêm, mỗi lần lấy 1 tý xia vào răng.

64.— *Răng sâu* (nha-trùng)

Đau sâu thì vừa nhức, vừa ngứa, thường chảy nước miếng ra.

A) Dùng Hồ - tiêu, lá Lốt, 2 vị cân nhau, tán nhỏ, viên với sáp Ong bằng hột Vừng, mỗi lần dùng 1 viên nhét vào nơi răng sâu.



B) Dùng Hồ-tiêu 9 hột, Đậu-xanh 11 hột, dĩa nhỏ, gói vào trong vải, nhét vào chỗ đau cho nước miếng chảy ra là khỏi.

C) Hương-phụ tán nhỏ, sắc Ngải-cứu làm nước thang mà súc, lại lấy bột Hương-phụ nhét vào răng.

D) Hương-phụ 2 lạng, đốt hơi cháy, thanh-diêm 3 đồng, Gừng sống 5 đồng, tán nhỏ, mỗi ngày lấy bột ấy xát vào răng luôn rồi khỏi.

E) Dĩa rau-Sam với muối mà đắp ngoài, trong nhai lá Lốt với Muối mà ngậm.

65.— *Rết cắn.*

A) Dùng rau-Sam dĩa nhỏ dẹt vào.

B) Dùng Hương-phụ sống nhai dẹt vào là khỏi.

C) Lấy lá Gấc hay rễ Gấc càng tốt, nhai nhỏ nuốt nước, còn bã đắp vào chỗ đau.

66.— *Sán xơ-mít, (bạch-thốn trùng)*

Rau-Sam dĩa lấy nước cốt, 1 bát, hòa thí Muối và Dấm vào, uống khi đói bụng, chốc-lát trùng ra hết.



67.— *Sốt rét.* (Ngược-tật)

Nếu bệnh cơn thuộc tý hư, rét nhiều, nóng ít, ăn-uống không được.

A) Dùng Cao - lương - khương sao với Dầu - vừng, Can - khương (nướng) đều 2 lạng, tán nhỏ, mỗi lần uống 5 đồng, dùng mật Lợn điều thành cao, khi gần lên cơn uống với rượu, mỗi lần 3 đồng cân.

B) Cao-lương-khương, Can-khương đều nửa sớng, nửa chín, mỗi vị 1 lạng, vảy con Trút, (xuyên-sơn giáp) đốt, 3 đồng, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu.

68.— *Tả.*

Hàn-thấp sinh tả.

A) Dùng Hồ-tiêu, nghiền nhỏ, viên với hồ bằng hột Ngô, mỗi lần uống 40 viên.

B) Thấp-nhiệt sinh tả.

Dùng Xa-tiên-tử 1 lạng, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước nóng.

69.— *Tai điếc* (Nhĩ-lung)

Lỗ tai tự-nhiên bị khi bế-tắc lại không nghe.



Dùng Hương - phụ sao trong nồi đất, lấy ra nghiền nhỏ, lấy hột củ Cải trắng (la-bạc-tử) sắc lấy nước làm thang, uống mỗi lần 2 đồng.

70.— *Tai lên đặng-đặng.*

Tai lên đặng-đặng, hoặc có chảy mủ. Lấy lá Kim - ngân - hoa dã nhỏ dặt vào giữa lỗ Dốn, hễ thấy khỏi thì lấy thuốc ra ngay, nếu để lâu lại đau cả hai bên, thật là rất lạ.

71.— *Tai lở (nhĩ-sang)*

Dùng rau Sam 1 lạng, vỏ cây Nục-nước (Nam-hoàng-bá) 5 đồng, tán nhỏ đồ vào.

72.— *Tia sữa lắc.*

Dùng hột Ngò (mùi) khô nấu nước đặc cho uống luôn luôn thì có sữa ngay.

73.— *Tiểu-tiện bế.*

A) Dùng 1 nắm lá Mã-đề, 1 nắm lá Dâu sắc uống.

B) Dùng 2 lạng Hồ-tuy, 1 nắm rễ Bông-vang, cho 2 bát nước vào sắc lấy 1 bát, hòa 1 lạng bột Hoạt-thạch mà uống.



C) Lấy 1 nắm củ Gấu dā nhỏ, tằm với nước tiểu trẻ - con, sao lên, dịt vào giữa Dốn, sẽ đi được tiểu-tiện ngay.

D) Lấy Mã-đề, Bắc trắng, Mộc-hương, 3 vị bằng nhau, sắc uống, đến khi đi tiểu được là khỏi.

E) Dùng một cân lá Mã-đề đồ nước nấu cho kỹ, lấy độ 1 bát, lại dùng 1 quả bi, nấu chín lấy nước độ 1 chén nhỏ, hòa với nước Mã-đề mà uống.

74. — *Tiểu-tiện buốt.*

Lấy rau-Sam sắc lấy nước uống.

75. — *Tiểu-tiện đi lộn.*

Dùng Liên-nhục 8 lạng, ngâm rượu 2 đêm, rồi lấy một cái dạ-dày Lợn-dực, rửa sạch, bỏ liên-nhục vào khâu chặt, nấu chín, vớt ra phơi khô, tán nhỏ, viên với hồ bằng hột Ngô, mỗi lần nuốt 50 viên với nước trà.

76. — *Tiểu-tiện mà tinh ra.*

Dùng một nắm tim-Sen, tán nhỏ, gia vào một phân Thần-sa, mỗi lần uống 1 đồng với nước lã.



77. — *Tiểu-tiện ra máu.*

A) Hạt Mã-đề phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, sắc lá Mã-đề làm nước thang.

B) Dùng củ Sen 2 lạng. Tóc-rối 1 đồng (đốt ra than, tán nhỏ rây kỹ), còn củ Sen thì sắc lấy nước hòa với than tóc mà uống độ 2 thang thì chỉ huyết ngay.

78.— *Tim đau (tâm thống)*

A) Dùng Hương-phụ tằm dấm, Cao-lương-khương tằm rượu, hai vị bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần dùng nước cơm gia ít nước gừng và muối làm nước thang mà uống 2 đồng.

B) Dùng Hồ-tiêu 5 phân, Một-dược 2 đồng, nghiền cho đều, chia làm 2 lần uống với rượu.

C) Dùng Hồ - tiêu, Đậu-xanh mỗi vị 49 hột, nghiền nhỏ, uống với rượu.

79.— *Thạch - lâm.*

Đi tiểu ra như chất đá mà đau.

Dùng Xa-tiên-tử 2 lạng, bọc giấy lại, cho vào 4 bát nước, sắc lấy hai bát mà uống, chốc-lát chất đá ra hết,



80.— *Thai động.*

Thai động vi khi nghịch xông lên.

Dùng Hương - phụ sao khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với nước thang Tử - tô.

81.— *Thoát - giang.*

Dùng Hương - phụ, Kinh-giờ-tuệ 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 muôm bột, đổ vào một bát nước to, sắc vài mươi lần sôi, xông vào chỗ giang-môn, sau còn âm - ấm đem rửa. Làm như thế độ vài lần là khỏi.

Dùng 1 chén rượu Hồ - tuy, 1 bát Cám, 1 đồng Nhũ-hương, 3 vị cho vào trong nồi đất, đốt lên mà xông, ngày 2 lần.

82.— *Thỏ huyết.*

A) Dùng Hương - phụ tán bột hòa với nước tiểu trẻ-con, mỗi lần uống 2 đồng.

B) Thỏ huyết bởi lao tâm. Dùng hột Sen 5 đồng sao, Gạo nếp 5 đồng sao, các vị tán nhỏ, uống với rượu.

C) Tự-nhiên thỏ-huyết.



Lấy cái chỗ đốt ngó Sen, và cuống liền với lá Sen (không dùng lá) (nam thất nữ cửu) 2 vị tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng, lấy nước sôi cho mật vào, đánh tan, làm thang mà uống.

83.— *Thùng.*

A) Dùng 1 cân Hương-phụ, ngâm nước Đồng-tiện 3 ngày, sao khô tán nhỏ, viên với hồ bằng hột Đậu-xanh, mỗi lần nuốt 50 viên, tống với nước cơm, ngày 3 lần.

B) Hương - phụ 3 lạng, sao với Dấm-thanh, nghiền thành bột, viên với hồ bằng hột Đậu, mỗi lần uống 3, 4 mươi viên, uống lâu thì nước theo tiểu - tiện mà ra hết.

84.— *Tràng - nhạc.* (Loa-lich)

Dùng rau Sam phơi khô, đốt cháy, tán nhỏ, hòa với mỡ Lợn mà đồ.

Lấy hột Tiêu dã ra mà dẹt thì chóng vỡ.

85.— *Trẻ con bí đại - tiện.*

Dùng 8 con Ốc-loa, Tiêu-sọ 30 hột, 1 ít Muối, đâm cho nhỏ, đem dẹt sau lưng thì nửa giờ sau đi được.



86.— *Trẻ con bí tiểu-tiện.*

Lấy 1 cái gương Sen nguyên (tươi hay khô cũng được), cho nước nấu cho đặc mà uống, sẽ đi đái ngay.

87.— *Trẻ-con có bệnh nực. (hen)*

Lấy nhân hột Gấc mài với nước cho uống, đoạn ăn một miếng bánh ngọt để dễ xuống, 1 lúc mưa ra đờm là khỏi.

88.— *Trẻ-con có đờn-độc.*

Bị đờn-độc nóng như lửa.

A) Dã lá rau-Sam đồ vào, hoặc dùng Hồ tụy dã lấy nước mà đồ vào cũng được.

B) Dùng lá Mướp-đắng, phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống với rượu 3 đồng.

C) Dùng Kim-ngân-hoa, lá rau Ngò (mùi) rửa sạch, vắt lấy nước thoa vào chỗ đờn-độc, làm 3 lần là khỏi.

89.— *Trẻ con đầu có vảy cứt Trâu.*

Dùng Hồ-tiêu 3 lạng, tán nhỏ, Hương-phụ (khô) 2 lạng thái nhỏ, mỡ gáy Lợn 3 đồng, đốt cháy, lấy nước, Hương-phụ cho



một bát nước vào sắc cho đặc, gạn lấy nước trong, bỏ bã đi, hòa với bột Hồ-tiêu và mỡ Lợn, quấy cho đều.

Trước hết lấy lá Vối-tươi đồ nước nấu cho đặc, đem ra vò dầu cho róc những vảy đi, chấm cho ráo, rồi sẽ bôi thuốc vào.

*90.— Trẻ - con đầu lở trắng như vôi.*

Nhân hột Gấc, Hồng-đơn, Hoạt-thạch, 3 vị bằng nhau, đốt cháy ra than (tồn tinh) tán nhỏ, rây kỹ hòa với dầu Vừng mà bôi.

*91.— Trẻ - con đi lỵ.*

Đi lỵ ra máu. Dùng rau Sam dã nhỏ, lấy nước cốt, hòa với mật mà uống.

Đi lỵ ra máu-mủ lẫn nhau. Dùng Kim-ngân hoa sao khô, tán nhỏ, hòa với đường và cho ít nước sôi vào mà uống.

*92.— Trẻ-con mới đẻ mắt không mở được.*

Lấy lá rau-Sam với ít Muối dã nát mà dẹt lên my mắt.



93.— *Trẻ - con nổi mụn đỏ.*

Dùng nhân hột Gấc nghiền cho nhuyễn như bùn, hòa với dấm, đồ vào, 1 ngày vài ba lần.

94.— *Trẻ - con sài - lở.*

Lấy cây Mã-đề rửa sạch nấu canh với giò lụa cho trẻ ăn với cơm, thì sau trẻ ít sài.

95.— *Trẻ-con sởi tóc.*

Lấy rau Sam sắc lấy nước, cô thành cao đồ vào; hoặc đốt thành than hòa với mỡ Lợn mà bôi.

96.— *Trĩ.*

A) Trĩ mới phát. Dùng rau - Sam nấu ăn, còn nước thì đem xông.

B) Lấy nhân hột Gấc mài vào bát có dấm-thanh, rồi tẩm giấy ta mà đắp vào sẽ khỏi.

C) Dùng Kim-ngân-hoa cả cành, cả lá, 1 cây, Cam-thảo tán bột 1 phân, 2 vị tán nhỏ, lấy 1 nửa luyen mật, viên như hột



Ngô, ngày uống hai lần, mỗi lần 20 viên ;  
còn 1 nửa ngâm rượu uống, vài lần là khỏi.

97.— *Trương - phong - hạ - huyết.*

Dùng 1 lượng hột Mùi, rửa sạch, tán nhỏ, lấy 1 nắm lá rau-Diếp, 1 nắm lá Bồ-công-anh, 3 vị lẫn nhau, cho vào trong bánh Cuốn mà ăn, ngày hai lần.

98.— *Vết ruồi*

Dùng nước Hồ-tuy (ngò) ngày nào cũng rửa.

99.— *Vú có nốt đã thành mụn.*

Lấy lá Bồ-công-anh còn tươi, đã nát, vắt lấy nước độ nửa bát, để riêng, lấy Kim-ngân-hoa và lá, độ 3 lượng, đổ 2 bát rượu vào, sắc lấy 8 phân thì bắc ra, đổ nước Bồ-công-anh vào, lại đun sôi vài dạo nữa là được, rót ra uống. Còn bã Bồ-công-anh và Kim-ngân-hoa thì dịt vào vú đau, lấy vải buộc lại, đắp chặn đi nằm cho ra mồ - hôi, cứ uống luôn vài lần là khỏi.



100.— *Xích bạch-đái.*

Trước dùng 1 nắm to rau-Sam tươi, vắt lấy nước cốt 3 bát, đoạn dùng 2 cái trứng gà chỉ lấy lòng trắng, hòa cho đều, hâm hơi nóng, uống 1 lần cho hết, 2 lần uống thì hết bệnh.

101.— *Xích bạch-ly.*

Dùng Hồ-tiêu, Lục-đậu 2 vị cân nhau, tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt Ngô, xích-ly dùng nước gừng mà uống, bạch-ly dùng nước Cơm mà uống.

102.— *Yết-hầu.*

Dùng 6 lạng lá tre, 6 lạng lá Mướp-đắng, hai vị thái nhỏ, nấu kỹ mà uống, ngoài lấy lá Mướp-đắng, đâm nhỏ, dịt vào cổ, mỗi ngày 1 lần.



## Giải nghĩa chữ nho



### A

Ác - trở : có thai nôn mửa.

Ách - nghịch : Nắc cụt.

Âm - khi : Tức là chỗ tiền-âm

Au - thồ : Nôn-mửa.

### B

Bạch - ly : Đi ly ra mủ.

Bạch - trọc : Đi tiểu ra nước đục.

Bào - chế : Cách sao-tẩm.

Bào - thai : Chỗ tử-cung, tức là bao đựng con.

Bào - y : Cái nhau, tức là tử-hà-xa.

Bị - khối : Cục tích.

Biên - bình kết - tinh - thể : Chất nhưa sáng,  
hình bẹp mà bằng.



**C**

Cam-nhãn : Bệnh đau mắt, thuộc chứng cam.

Cam-tích : Bệnh tích thuộc chứng cam.

Cam-trùng : Bệnh trùng thuộc chứng cam.

Cổ-sáp : Bền-chặt niêm-trết.

Cổ tinh : Làm cho tinh-khi bền-chặt.

**CH**

Chẩn đậu : Mụn sởi, và mụn đậu,

**Đ**

Đàm ẩm : Đàm là chất đặc, ẩm là chất lỏng.

Đan thạch : Các chất đá.

Điều khí ; Làm cho khí được điều-hòa.

**GI**

Gia vị : Hợp vị khác vào.

Giải biểu : Làm cho biểu-tà giải tán.

Giải-nhiệt : Giải khí nóng ra.

**H**

Hạ-hỏa : Đem khí nóng đi xuống.

Hạ-khi : Đem khí xuống.



Hạ-tiêu : Ở đoạn dưới mình.

Hàn-thấp : Khi thấp thuộc hàn.

Hành-khi : Làm cho khi được thông-hành.

Hỏa-khi : Khi nóng.

Hỏa-nguyên : Nguồn-gốc sinh-hóa.

Hoạt-tiết : Đại-tiện đi lỏng.

Huyết-băng : Tức là bệnh băng, huyết ra  
nhiều.

Huyết-dịch : Chất máu.

Huyết-lâm : Đi tiểu ra máu mà buốt.

Huyết-ly : Đi ly ra máu.

Huyết-phận : Về những chỗ có máu chảy.

Hư-lao : tên bệnh, một thứ lao.

Hư-tồn : Hao-mòn, thiếu-thốn.

## K

Kiên vị : Mạnh dạ dày.

Kết-tinh-thể : Có chất nhựa kết lại sáng  
như thủy-tinh.

Kinh-nguyệt : Huyết ra từng tháng.



**KH**

Khái-uất : Mở khi uất ra.

Khái-huyết : Ho ra máu.

Khí-dược : Các thứ thuốc chữa về khí.

Khí-hư hạ-hãm : Khi hèn không thẳng-đề  
lên được.

Khí thống : Đau về khi-phận.

Khi-uất : Khi-uất kết lại.

Khu-phong : Đuổi gió độc ra.

**L**

Lao tâm : Quả tim mệt-nhọc.

Lăng-trụ Kết-tinh-thể : Chất nhựa sáng có  
cạnh-góc.

Liệt dương : Dương-sự không mạnh.

Loa lịch : Tràng nhạc.

Lợi-thủy : Làm cho tiểu-tiện được lợi.

Ly cấm-khẩu : Bệnh ly không ăn được.

**M**

Mộng-tinh : Thấy chiêm-bao mà tinh ra.



**N**

Niệu-huyết : Đi đại ra máu.

Niệu-khiếu : Bọng đại.

**NG**

Ngoại-khoa : Khoa thuốc chữa ngoài.

**NH**

Nhiệt lâm : Bệnh lâm thuộc nhiệt.

Nhiệt-ly : Bệnh ly thuộc nhiệt.

Nhiệt-tà : Tà-khi thuộc nhiệt.

**PH**

Phá-khi : Làm cho khí tan ra.

Phiên-vị : Lộn mề (mửa).

Phong-hàn : Gió lạnh.

Phong-thấp : Bệnh phong thuộc thấp.

**Q**

Quân-hỏa : Hỏa ở Tâm.

**T**

Tam-tiêu : Màng mỡ, (màng-lười).



Tán-hàn : Làm cho hàn khí tan ra.

Tào-kết : Khô ráo kết chặt lại.

Tân-tán : Vị cay làm cho tan ra.

Tẩu-tiết : Chạy tán loạn ra.

Tích-tụ : Tên bệnh.

Tiết-lậu : Tức là tiết tinh, lậu tinh.

Tiết-tinh : Tinh tiết ra.

Tiêu-đàm : Làm cho đàm tiêu đi.

Tiêu-độc : Làm cho độc tiêu đi.

Tinh-hoạt : Tinh mau ra.

Tinh-khiếu : Bọng tinh ra.

Tồn-tinh : Sao chưa cháy hẳn.

Tương-hỏa : Hỏa ở thận.

Tỵ-uyên : Mũi chảy nước hôi.

## TH

Thẩm-lợi : Có chất thấm làm cho nước  
được thông-lợi.

Thanh trọc phân-biệt : Sự trong đục chia  
ra.



Thấp-tý : Bệnh tê-thấp.

Thất-tinh : Tinh mất đi.

Thất-huyết : Huyết mất đi.

Thiên-pháo : Nổi lên từng mụn có nước  
lông-bông.

Thóa-huyết : Nhỏ ra máu.

Thoát-giang : Lòi giang-môn.

Thổ ngời : Đất tốt xấu.

Thổ-tả : Mưa và ỉa.

Thời-khi : Bệnh dịch.

Thu-sáp : Tinh thu-liễm và cố-sáp.

Thủy-khí : Hơi nước.

Thủy tà : Tà-khi thuộc về thủy.

Thử-thấp : Bệnh nắng kèm có khí thấp.

## TR

Tráng-dương : Dương-sự mạnh-mẽ.

Trấn-tĩnh : Yên lặng.

Trung-tiêu : Đoạn chính giữa.

Trường-phong : Đi đái ra máu tươi.



**U**

Uất-kết : Khi uất-kết lại.

Uế-ác : Nhớp-nhúa có khi độc.

Ung-thư : Bệnh mụn. Ung thuộc dương,  
thư thuộc âm.

Ưu-uất : Lo-lắng uất-ức.

Ứ-huyết : Huyết đọng lại.

**S**

Sản-hậu : Sau khi đẻ.

Sơ-tiết : Sơ-thông bài-tiết ra.

Sơn-lam chương-ngược : Bệnh cơn bởi khi  
độc rừng núi.



# Việt-Nam Sử-Học

Về thế-kỷ thứ 18

do PHAN-TRẦN CHÚC chủ trương

- 1.) Triều Tây-Sơn
- 2.) Bằng Quận-Công
- 3.) Tĩnh-Đô Vương
- 4.) Thời Lê-Mạt
- 5.) Vua Chiêu-Thống
- 6.) Vua Gia-Long

dày trên dưới 1000 trang in làm hai hạng :

**Loại giấy thường** bán từ: **6\$00** trở lên

**Loại đặc biệt** — **20\$00** trở lên

*thêm cước gửi ngoài*

Đọc trọn bộ này các ngài sẽ thấy «Thế-kỷ thứ 18» là thế-kỷ rối ren nhất mà cũng là thế-kỷ vinh quang nhất trong lịch sử Việt-Nam.

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước tháng  
Juin 1942 thì phải trả có :

Loại giấy thường 4\$00 } và thêm 2\$00

Loại đặc biệt 12. 00 } về tiền cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước tháng

Août 1942 phải trả có :

Loại giấy thường 5\$00 } và thêm 2\$00

Loại đặc-biệt 15. 00 } về tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi

Loại giấy thường 1\$00 } cả tiền cước

Loại đặc-biệt 3. 50 }

**Nhà in MAILINH Hanoi xuất bản**



# **Việt-nam dược-học**

Của ông Phó đức-Thành

Trong bộ biên tập hội Y-Học Trung-Kỳ soạn

in làm **12 cuốn**

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau  
dày trên dưới 3000 trang khổ  $12 \times 19$ , in làm 2 hạng

**Loại giấy thường** bán từ **10\$** trở lên

**Loại giấy đặc biệt** bán từ **30\$** trở lên

thêm 4\$00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng  
Janvier 1942 phải trả :

Loại giấy thường 7\$00 }  
Loại đặc biệt 12.00 } cả tiền cước gửi

Ngài nào mua trả tiền trước tháng Juillet 1942  
phải trả :

Loại giấy thường 10\$00 }  
Loại đặc biệt 20.00 } cả tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi :

Loại giấy thường 1\$20 }  
Loại đặc biệt 3.00 } cả tiền cước

*Thư và mandat mua sách xin gửi cho :*

**Nhà in Mai-Linh Hanoi**

là nhà đã nhận xuất-bản

**các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ**



# Mai-Linh tu thư cục

## Phổ-thông từng thư

Contes & légendes d'Annam I	2\$
Contes & légendes d'Annam II	2.
Lều chõng	1.
Việc làng	0.
Thơ và tình	0.
Muốn khoẻ	0.
Tàn đèn dầu lạc	0.
Hạt mưa sa	0.
Đứa con tội ác	0.
Những mảnh tình	0.
Bịp đời	0.
Đoán điềm giải mộng	0.

## **Loại phụ nữ**

Nhân cách phụ-nữ việt-nam hiện đại	0.
Tâm hồn phụ nữ	0.
Nghệ thuật làm mẹ	0.
Thụ thai theo ý muốn	0.

## **Loại trình thám**

Vết tay trên trần	1.
Chiếc tất nhuộm bùn	1.
Người một mắt	1.
Kỳ-phát giết người	0.
Nhà sư thọt	0.
Đôi hoa tai của bà chúa	0.



# Mai-Linh tu thư cục

## Phổ thông từng thư

Contes & légendes d'Annam I	2.50
Contes & légendes d'Annam II	2.50
Lều chõng	1.95
Việc làng	0.35
Thơ và tình	0.30
Muốn khoẻ	0.50
Tàn đèn dầu lạc	0.70
Hạt mưa sa	0.45
Đứa con tội ác	0.35
Những mảnh tình	0.48
Bịp đời	0.35
Đoán điềm giải mộng	0.35

## Loại phụ nữ

Nhân cách phụ-nữ việt-nam hiện đại	0.50
Tâm hồn phụ nữ	0.50
Nghệ thuật làm mẹ	0.45
Thụ thai theo ý muốn	0.50

## Loại trinh thám

Vết tay trên trần	hết
Chiếc tất nhuộm bùn	hết
Người một mắt	hết
Kỳ-phát giết người	0.45
Nhà sư thọt	0.45
Đôi hoa tai của bà chúa	0.50



# Mai-Linh tu thu cuc

## Văn-học từng thư

Văn học đời Lý	0\$80
Văn học đời Trần I	(đương in)

## Triết-học từng thư

Phê bình-nho-giáo	0. 30
Lão tử	0. 80
Vương-dương-minh	(đương in)

## Sử-học từng thư

Triều Tây sơn	0. 70
Bảng Quận công	(đương in)
Nguyễn trường Tộ	(đương in)

## Y-học từng thư

Việt Nam dược học I	0. 80
Việt Nam dược học II	0. 80
Việt Nam dược học III	0. 80
Việt nam dược học IV	(đương in)

## Giáo dục từng thư

Leçons de Japonais	3. 00
Petit guide Japonais Français Annamite	1. 20
Học tiếng Ang-lê theo lối thực hành	0. 60
Học tiếng Tàu theo lối thực hành	0. 35
Học tiếng Nhật theo lối thực hành	hết
Học tiếng Pháp theo lối thực hành	hết
Luận-ngữ cách ngôn	0. 50
Lên tám	0. 20
Bộ bài A. B. C. bằng gỗ	2. 00
Cours d'analyse grammaticale et logique	0. 60
L'art de conjuguer les verbes	0. 30
Collection P. J. S.	3. 00
Le Participe à l'aide d'exemples	0. 12
Précis d'Inst. Civique C. Sup.	0. 26
Précis d'Inst. Civique C. Moyen	0. 26
Việt nam tộc ký	0. 55